**PHẦN I**

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUY CHẾ**

**CÔNG TÁC KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 810/QĐ-VKSTC-V11*

 *ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

**I. Khái quát chung**

Quy chế công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính (sau đây gọi là Quy chế) gồm có 5 chương với 45 điều, trong đó:

Chương I: Những quy định chung với 4 Điều, từ Điều 1 đến Điều 4;

Chương II: Nội dung kiểm sát THADS, HC với 24 điều, từ Điều 5 đến

Điều 28;

Chương III: Phương thức kiểm sát THADS, HC với 9 điều, từ Điều 29 đến Điều 37;

Chương IV: Quan hệ công tác với 6 điều, từ Điều 38 đến Điều 43;

Chương V: Điều khoản thi hành, với 2 điều, Điều 44 và 45.

**II. Nội dung cơ bản trong từng chương**

**1. Nội dung cơ bản của Chương I: Những quy định chung**

Ngoài quy định về vị trí, phạm vi của công tác kiểm sát THADS, HC, còn quy định rõ đối tượng kiểm sát của VKSND khi thực hiện công tác này .

Nội dung Chương I còn nêu rõ các cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm sát ( *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 (sau đây gọi là Luật THADS 2014); Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật dân sự , Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật tố tụng hành chính năm 2015, Luật phá sản năm 2014, Luật đất đai năm 2013, Luật nhà ở năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan)*; đồng thời xác định rõ việc áp dụng pháp luật để kiểm sát và đánh giá phải theo nguyên tắc lịch sử cụ thể: “Khi kiểm sát và đánh giá hoạt động thi hành án dân sự diễn ra tại thời điểm nào phải căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm đó và đối chiếu với văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực thi hành”. Tuy nhiên, Nếu việc thi hành án kéo dài, chưa kết thúc thì phải áp dụng pháp luật tại thời điểm thi hành án, trừ việc giải quyết khiếu nại; cụ thể như sau:

Khoản 1 Nghị quyết số 24/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội về việc thi hành Luật THADS năm 2008 có quy định: “Đối với các việc thi hành án đã được thi hành xong theo quy định của Pháp lệnh THADS năm 2004 trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành mà đương sự còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Pháp lệnh THADS 2004 để giải quyết. Đến thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành mà việc thi hành án chưa được thi hành hoặc chưa thi hành xong thì áp dụng các quy định của Luật này để thi hành án. Các quyết định, hành vi của Cơ quan THADS, CHV đã thực hiện theo đúng quy định của Pháp lệnh THADS năm 2004 có giá trị thi hành”.

Tại khoản 1 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS năm 2014 có quy định: “ Đối với các việc thi hành án đã được thi hành xong trước thời điểm Luật này có hiệu lực mà sau khi Luật này có hiệu lực đương sự còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật THADS số 26/2008/QH12 để giải quyết. Đối với các việc thi hành án đến thời điểm Luật này có hiệu lực mà chưa được thi hành hoặc chưa thi hành xong thì áp dụng các quy định của Luật này để thi hành. Các quyết định, hành vi của Cơ quan THADS, CHV đã được thực hiện theo quy định của Luật THADS số 26/2008/QH12 có giá trị thi hành”.

Nội dung Chương I còn hướng dẫn các nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND khi kiểm sát THADS, HC (căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014; Luật THADS 2014; Luật tố tụng hành chính năm 2015 và Quy chế tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp, ban hành kèm theo Quyết định số 51/QĐ- VKSNDTC-V12 ngày 02 tháng 02 năm 2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (sau đây gọi là Quy chế 51).

**2. Nội dung cơ bản của chương II:Nội dung công tác kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính**

Chương này quy định các nội dung của công tác kiểm sát THADS, HC. Cụ thể gồm các nội dung sau đây: ( ***gồm 24 nội dung***)

- Kiểm sát việc cấp, chuyển giao bản án, quyết định; giải thích, đính chính, sửa chữa, bổ sung; giải quyết yêu cầu, kiến nghị đối với bản án, quyết định của Tòa án;

- Kiểm sát việc tiếp nhận, từ chối yêu cầu thi hành án dân sự, hành chính;

- Kiểm sát việc ra quyết định thi hành án dân sự, yêu cầu, đôn đốc thi hành bản án, quyết định hành chính;

- Kiểm sát nội dung quyết định; việc thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án; việc gửi quyết định hoặc thông báo về thi hành án;

- Kiểm sát việc ủy thác thi hành án dân sự;

- Kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án dân sự;

- Kiểm sát việc hoãn, tạm đình chỉ, tiếp tục thi hành án dân sự, đình chỉ thi hành án dân sự;

- Kiểm sát việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án;

- Kiểm sát việc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án;

- Kiểm sát việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án;

- Kiểm sát việc thi hành các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, của Trọng tài thương mại;

- Kiểm sát việc thi hành khoản tịch thu sung quỹ nhà nước, tiêu hủy tài sản, hoàn trả tiền, tài sản kê biên, tạm giữ trong bản án, quyết định hình sự;

- Kiểm sát việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước;

- Kiểm sát việc tổ chức thi hành án dân sự cho các phạm nhân đang chấp hành án phạt tù;

- Kiểm sát việc thi hành các quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án;

- Kiểm sát việc thi hành quyết định về phá sản;

- Kiểm sát việc thi hành phán quyết của Trọng tài thương mại, bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài và phán quyết của Trọng tài nước ngoài được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành ở Việt Nam;

- Kiểm sát việc bảo đảm tài chính từ ngân sách nhà nước để thực hiện nghĩa vụ thi hành án;

- Kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính;

- Kiểm sát việc kết thúc thi hành án;

- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự;

- Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án;

- Kiểm sát việc xử lý vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự, hành chính;

- Kiểm sát hoạt động của Thừa phát lại và Văn phòng Thừa phát lại.

Trong các nội dung trên, Quy chế quy định rõ những căn cứ pháp lý, nội dung cụ thể cần kiểm sát những vấn đề gì, quyền hạn của VKS được áp dụng khi kiểm sát nội dung đó, yêu cầu và mục đích đặt ra cụ thể cho mỗi nội dung. Nhấn mạnh một số nội dung như: Kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án, việc áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự, kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về THADS, HC v.v…

**Một số nội dung cần chú ý:**

\*Về kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án:

Đây là một trong những nội dung quan trọng của công tác kiểm sát THADS, HC; do vậy Quy chế quy định khi kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát các nội dung sau:

- Việc bảo đảm thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật THADS 2014; việc chấp hành thời hạn xác minh quy định tại Điều 44 Luật THADS 2014;

- Văn bản, tài liệu thể hiện hoạt động thực tế xác minh điều kiện thi hành án của CHV; hình thức, thành phần tham gia xác minh, việc lập biên bản xác minh theo quy định tại Điều 44 Luật THADS 2014, Điều 9 Nghị định 62/2015/NĐ-CP.

- Nội dung kết quả xác minh, thể hiện rõ người phải thi hành án có điều kiện hay không có điều kiện thi hành án; trong trường hợp người phải thi hành án có tài sản để thi hành án thì xác định rõ tình trạng tài sản, tình trạng sở hữu, sử dụng với tài sản; tài sản đó có được giao dịch trước hoặc sau khi có bản án, quyết định của Tòa án hoặc có tranh chấp hay đang do người thứ ba giữ; có được dùng bảo đảm cho giao dịch dân sự hay không v.v…

Cần chú ý kiểm sát để bảo đảm việc xác minh điều kiện thi hành án phải toàn diện, đầy đủ các tài sản của bên phải thi hành án; khắc phục tình trạng chỉ xác minh một tài sản rồi tiến hành áp dụng biện pháp cưỡng chế, đến khi làm rõ tài sản này không đủ điều kiện kê biên thì các tài sản khác không còn, gây khó khăn cho việc thi hành án hoặc phát sinh khiếu kiện, tranh chấp.

Kèm theo là kiểm sát việc phân loại việc có điều kiện hoặc chưa có điều kiện thi hành án; thẩm quyền, căn cứ của việc ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a Luật THADS 2014; Điều 9 Nghị định 62/2015/NĐ- CP; việc công khai thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo Điều 44a Luật THADS 2014 và Điều11Nghị định 62/2015/NĐ- CP.

\* **Về kiểm sát việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án**

Đây là một trong các nội dung được quy định khá chi tiết trong Quy chế, nêu rõ các nội dung cần kiểm sát, phương thức (biện pháp) kiểm sát (*có thể thông qua biện pháp cử Kiểm sát viên trực tiếp tham gia và kiểm sát việc cưỡng chế hoặc kiểm sát hồ sơ, tài liệu việc thi hành án có cưỡng chế.*

*Khi tham gia và trực tiếp kiểm sát việc cưỡng chế, Kiểm sát viên nghiên cứu trước các tài liệu thi hành án có liên quan đến việc cưỡng chế, nếu phát hiện có vi phạm trong việc tổ chức cưỡng chế thể hiện trong tài liệu thi hành án thì báo cáo Lãnh đạo viện để yêu cầu hoặc kiến nghị, kháng nghị khắc phục; nếu phát hiện vi phạm tại nơi tổ chức cưỡng chế thì có quan điểm yêu cầu Cơ quan thi hành án khắc phục, sau đó báo cáo Lãnh đạo viện.*

*Khi cần thiết kiểm sát hoạt động thẩm định giá hoặc bán đấu giá tài sản, Viện kiểm sát có quyền yêu cầu tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá hoặc Cơ quan THADS cung cấp hồ sơ việc thi hành án hoặc hồ sơ thẩm định giá, hồ sơ bán đấu giá để kiểm sát- Điều 14 Quy chế*); kiểm sát các biện pháp cưỡng chế cụ thể, trong đó Quy chế lưu ý các nội dung khi kiểm sát việc cưỡng chế tài sản là tiền, vật, quyền sử dụng đất…Trong đó quy định: “*Việc kê biên đối với tài sản là quyền sử dụng đất, chú ý kiểm sát những trường hợp quyền sử dụng đất không được kê biên, thủ tục kê biên, việc tạm giao quản lý, sử dụng, khai thác diện tích đất đã kê biên; việc xử lý tài sản gắn liền với đất đã kê biên (theo quy định tại các điều 89, 110, 111, 112 và 113 Luật THADS 2014);*

**\* Về kiểm sát việc tổ chức thi hành án dân sự cho các phạm nhân đang chấp hành án phạt tù.**

Tuy trong Quy chế có 01 điều quy định về vấn đề này (Điều 18) nhưng theo quyết định của Lãnh đạo VKSNDTC, do các Trại giam là đối tượng kiểm sát của công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự (Do các đơn vị kiểm sát giam giữ và thi hành án hình sự thực hiện) nên giao nội dung này cho các đơn vị kiểm sát giam giữ và thi hành án hình sự thực hiện (tự mình hoặc phối hợp với các đơn vị kiểm sát THADS, HC).

**\*Về kiểm sát việc thi hành quyết định về phá sản**

 Điều 20 Quy chế quy định về kiểm sát việc thi hành quyết định về phá sản. Tuy nhiên nội dung này đang có dự thảo TTLT hướng dẫn việc thi hành án án với các quyết định của TA trong quá trình giải quyết phá sản, trong đó vướng nhất là thẩm quyền của CHV, Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý tài sản trong việc thi hành các phán quyết của Tòa án khi giải quyết phá sản. Khi có hướng dẫn sẽ giải quyết được vướng mắc này.

**\* Về kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính.**

Về nội dung này, Quy chế nêu rõ: “ Kiểm sát việc thi hành quyết định về phần tài sản trong bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính.

Quyết định về phần tài sản trong bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính được thi hành theo quy định của pháp luật về THADS (điểm h khoản 1 Điều 311 Luật tố tụng hành chính năm 2015).

Khi kiểm sát nội dung này, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn như kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định dân sự quy định tại Điều 28 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014.

Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính theo quy định tại Điều 311 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Kiểm sát việc Tòa án ra quyết định buộc thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính; quyết định đôn đốc thi hành án hành chính của Cơ quan THADS và trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc của Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp của người phải thi hành án theo quy định tại Điều 312 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Khi kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính theo các nội dung tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 315 Luật tố tụng hành chính năm 2015”.

**\* Về kiểm sát việc kết thúc thi hành án**

Khi kiểm sát việc kết thúc thi hành án, cần kiểm sát việc xác nhận kết quả thi hành án theo quy định tại Điều 53 Luật THADS 2014; Điều 37 Nghị định 62/2015/NĐ-CP; kiểm sát việc kết thúc thi hành án trong trường hợp có quyết định đình chỉ thi hành án và vào sổ thụ lý để theo dõi.

Trong trường hợp cần thiết, Viện kiểm sát nhân dân yêu cầu Cơ quan THADS cung cấp văn bản xác nhận đương sự đã thực hiện xong quyền, nghĩa vụ hoặc cung cấp quyết định đình chỉ thi hành án để kiểm sát; thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chú ý việc “lách luật” để kết thúc việc thi hành án, tạo cơ sở cho việc xem xét giảm án tha tù trước thời hạn.(Trường hợp bên phải THA tự nguyện THA một phần, Cơ quan THADS ra quyết định THA đúng với phần đó, sau đó ra quyết định kết thúc việc thi hành án, trong khi nghĩa vụ THA chưa thi hành xong).

\***Về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự**

Quy chế có quy định rõ phạm vi các cơ quan, tổ chức, cá nhân “có liên quan” đến hoạt động THADS (*Tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá tài sản trong việc thẩm định giá, bán đấu giá tài sản thi hành án; Cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ đăng ký giao dịch, quyền sở hữu, quyền sử dụng khi thực hiện các hoạt động có liên quan đến việc thi hành án dân sự; Cơ quan, tổ chức khác có hoạt động liên quan đến thi hành án dân sự”*; nhiệm vụ, quyền hạn của VKS và nhấn mạnh: “ *Việc trực tiếp kiểm sát tại cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến thi hành án dân sự chỉ tiến hành khi có căn cứ cho rằng có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự”.*

\***Về kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án**

Quy chế có quy định khá chi tiết về hoạt động này. Một số vấn đề cần chú ý:

- Về ranh giới, phạm vi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực THADS giữa đơn vị kiểm sát THADS với đơn vị kiểm sát khiếu tố (Quy chế 51 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

- Về quy trình, các bước kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo, quy định về thời hạn (10 ngày) người được phân công thụ lý phải có đề xuất); các hình thức xử lý đơn (trả lại đơn, chuyển đơn cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết; chuyển đơn cho VKS có thẩm quyền kiểm sát, yêu cầu cơ quan bị khiếu nại, tố cáo giải quyết và thông báo kết quả cho VKS; xác minh hoạt động THADS bị khiếu nại, tố cáo (không phải là trực tiếp kiểm sát); yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến khiếu nại, tố cáo để kiểm sát (trong hai trường hợp này Quy chế quy định VKS kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc THADS bị khiếu nại, tố cáo; thời hạn (không quá 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ) thì phải có kết luận kiểm sát hồ sơ và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo biết. Quy chế cũng quy đinh việc kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình TTKS tiến hành theo quy trình TTKS và thẩm quyền ký một số văn bản trong lĩnh vực kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Như vậy, khi kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực THADS, VKS có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 28, 30 Luật Tổ chức VKSND 2014, Điều 159 Luật THADS và được hướng dẫn cụ thể tại Quy chế 51 (khoản 4, 5 Điều 17; khoản 1 và 3 Điều 18).

**3. Nội dung cơ bản của Chương III: Phương thức kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính.**

Chương III được xây dựng trên cơ sở nhận thức về “phương thức kiểm sát” là những cách thức để tiến hành hoạt động kiểm sát THADS, HC; bao gồm: Cách thức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tư pháp do pháp luật quy định (như cách thức thực hiện quyền yêu cầu, quyền trực tiếp kiểm sát, quyền kiến nghị và kháng nghị v.v…); cách thức thực hiện các biện pháp hành chính tư pháp (như lập hệ thống sổ sách, hồ sơ, biểu mẫu nghiệp vụ về kiểm sát THADS, HC); cách thức tiến hành kiểm sát một hoạt động cụ thể (như kiểm sát các quyết định về thi hành án, kiểm sát hồ sơ thi hành án, kiểm sát việc xét miễn giảm nghĩa vụ thi hành án v.v…).

Chương III đề cập cụ thể tới các phương thức kiểm sát sau đây:

- Lập sổ, hồ sơ và sử dụng biểu mẫu nghiệp vụ kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính;

- Phương thức kiểm sát các quyết định về thi hành án dân sự, hành chính.

- Phương thứcKiểm sát hồ sơ thi hành án dân sự, hành chính.

- Trực tiếp kiểm sát tại Cơ quan THADS, cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thực hiện quyền yêu cầu.

- Thực hiện quyền kháng nghị.

- Thực hiện quyền kiến nghị.

- Thực hiện quyền tham gia và phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tại phiên họp xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

- Thực hiện quyền đề nghị xem xét khởi tố vụ án**.**

**Một số điểm cần chú ý:**

+ Trong các sổ sách nghiệp vụ kiểm sát THADS, HC có 01 loại sổ mới là Sổ nhật ký đoàn trực tiếp kiểm sát (Điều 29). Việc lập loại sổ này là tiếp thu quy định về việc lập Sổ nhật ký Đoàn thanh tra tại Điều 5 và 6 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ “ Quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của Đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra”. Khoản 8 Điều 32 của Quy chế quy định: Quá trình trực tiếp kiểm sát tại Cơ quan THADS, Trưởng đoàn phải ghi Sổ nhật ký Đoàn trực tiếp kiểm sát. Sổ nhật ký Đoàn trực tiếp kiểm sát theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành. Trưởng đoàn trực tiếp kiểm sát có trách nhiệm quản lý Sổ nhật ký và hàng ngày ghi những công việc mà Đoàn trực tiếp kiểm sát đã tiến hành mỗi ngày, những yêu cầu, đề nghị của cơ quan được kiểm sát; khó khăn, vướng mắc trong quá trình trực tiếp kiểm sát và ký xác nhận. Sổ nhật ký Đoàn trực tiếp kiểm sát được lưu trữ trong hồ sơ trực tiếp kiểm sát.

Ngoài ra, Quy chế nhấn mạnh việc thực hiện các quy định của Ngành về lập, bảo quản, lưu trữ hồ sơ, sổ sách nghiệp vụ.

+ Về cách thức kiểm sát các quyết định về thi hành án, Quy chế quy định phải kiểm sát đầy đủ, thường xuyên, kịp thời và ***chỉ ghi Phiếu kiểm sát với các trường hợp phát hiện vi phạm trong việc ban hành các quyết định về thi hành án để nêu rõ vi phạm và đề xuất xử lý.***

+ Về kiểm sát hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Được quy định tại 02 điều: Điều 26 (yêu cầu cung cấp để kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo) và Điều 31 (trong quá trình TTKS). Quy chế quy định chặt chẽ thủ tục giao nhận hồ sơ trước và sau khi kiểm sát; nhấn mạnh việc nghiên cứu hồ sơ phải bắt đầu từ việc nghiên cứu nội dung bản án, quyết định cần thi hành, từ đó kiểm sát thủ tục ra quyết định thi hành án và các quyết định khác có phù hợp với nội dung bản án, quyết định của Tòa án hay không và những vấn đề khác. Khi phát hiện có vi phạm pháp luật thì KSV lập phiếu kiểm sát ghi rõ vi phạm và đề xuất xử lý, có chữ ký xác nhận của CHV hoặc công chức thụ lý vụ việc.

+Về cách thức tiến hành cuộc TTKS (Điều 32): Đây là một nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng của VKSND trong kiểm sát THADS, do vậy Quy chế quy định khá chi tiết nội dung này. Sau đây là những nội dung chính: TTKS có thể tiến hành thường xuyên (định kỳ) hoặc đột xuất; quá trình TTKS phải tôn trọng và bảo đảm hoạt động bình thường của cơ quan được kiểm sát (do vậy phải có quyết định, kế hoạch TTKS, phải gửi trước cho cơ quan được kiểm sát, việc mở rộng phạm vi nội dung kiểm sát và kéo dài thời gian phải có quyết định của người có thẩm quyền ban hành quyết định TTKS; quá trình TTKS phải thông qua Trưởng đoàn để đưa ra các yêu cầu với cơ quan, cá nhân được kiểm sát; việc lập phiếu, biên bản làm việc có xác nhận của đại diện cơ quan kiểm sát và cơ quan, cá nhân được kiểm sát; việc công bố dự thảo kết luận để trao đổi quan điểm giữa hai bên; việc kiến nghị hoặc kháng nghị ngay trong quá trình TTKS; việc ban hành thông báo rút kinh nghiệm chung toàn ngành thông qua kết quả TTKS; việc phúc tra thực hiện kết luận; việc lập và lưu trữ hồ sơ TTKS.

***Chú ý: Trong kết luận TTKS có chỉ rõ vi phạm và đưa ra yêu cầu, kiến nghị khắc phục (mẫu văn bản là đưa ra kiến nghị).***

+ Về cách thức thực hiện quyền kháng nghị (Điều 34): Chú ý trong trường hợp kháng nghị không được chấp nhận (kháng nghị ngang cấp và với cấp dưới) thì VKS phải báo cáo lên VKS cấp trên cùng tài liệu kèm theo. Sau khi nhận được báo cáo, trong 15 ngày làm việc, VKS cấp trên phải trả lời.

**4. Nội dung cơ bản của Chương IV: quan hệ công tác**

Chương này điều chỉnh một số nội dung như: Quan hệ lãnh đạo và quản lý trong công tác kiểm sát THADS, HC; quan hệ công tác giữa đơn vị nghiệp vụ kiểm sát THADS với các đơn vị nghiệp vụ khác; chế độ báo cáo, thỉnh thị và trả lời thỉnh thị; chế độ kiểm tra; chế độ bảo mật và phối hợp liên ngành. Trong đó có một số nội dung đáng chú ý như:

-Trong quan hệ lãnh đạo và quản lý (quy định tại Điều 38), mọi hoạt động lãnh đạo, quản lý phải tuân theo các quy chế, quy định của Ngành.

Công chức khác làm nhiệm vụ kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính theo quy định của pháp luật và theo sự phân công, chỉ đạo của Thủ trưởng các đơn vị kiểm sát thi hành án dân sự và Lãnh đạo Viện trên cơ sở các quy định của Ngành và Quy chế tổ chức, hoạt động của đơn vị.

Trong trường hợp công chức được Thủ trưởng đơn vị giao nhiệm vụ độc lập thì báo cáo lại với lãnh đạo trực tiếp và chịu sự chỉ đạo nghiệp vụ trực tiếp từ lãnh đạo đã giao nhiệm vụ.

 Khi có ý kiến khác nhau giữa công chức với người lãnh đạo trực tiếp thì báo cáo lãnh đạo cấp trên giải quyết.

Báo cáo phải thể hiện bằng văn bản. Việc báo cáo với Viện kiểm sát cấp trên phải do lãnh đạo Viện ký. Các văn bản về thỉnh thị và trả lời thỉnh thị phải lưu hồ sơ kiểm sát đầy đủ.

-Về chế độ báo cáo, thinh thị và trả lời thỉnh thị (Điều 40 của Quy chế); Quy chế quy định rõ: “*Khi thỉnh thị phải gửi kèm hồ sơ, tài liệu có liên quan. Báo cáo thỉnh thị phải do lãnh đạo Viện cấp thỉnh thị ký, nêu rõ nội dung sự việc, các vấn đề có khó khăn, vướng mắc và nêu rõ quan điểm của Viện kiểm sát cấp thỉnh thị.*

*Đơn vị kiểm sát thi hành án dân sự cấp trên phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, tài liệu và văn bản thỉnh thị của cấp dưới. Trong thời hạn theo quy định của Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát cấp trên phải có văn bản trả lời thỉnh thị. Văn bản trả lời thỉnh thị phải nêu rõ quan điểm, luận cứ và cơ sở pháp lý của quan điểm đó. Trong trường hợp không thể trả lời đúng hạn thì phải thông báo cho Viện kiểm sát đã thỉnh thị biết.*

*Văn bản trả lời thỉnh thị nghiệp vụ do Lãnh đạo đơn vị nghiệp vụ kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính ký; văn bản trả lời thỉnh thị về đường lối giải quyết việc thi hành án do lãnh đạo Viện ký. Viện kiểm sát cấp dưới phải nghiêm túc thực hiện ý kiến trả lời thỉnh thị của Viện kiểm sát cấp trên. Trường hợp không nhất trí toàn bộ hoặc một phần ý kiến trả lời của đơn vị nghiệp vụ Viện kiểm sát cấp trên thì có văn bản nêu rõ quan điểm, lý do với đơn vị trả lời thỉnh thị và báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trả lời thỉnh thị để chỉ đạo”.*

Ngoài ra, tại chương này còn quy định về chế độ bảo mật (giữ bí mật thông tin, việc cung cấp thông tin cho báo chí, việc tiếp dân, tiếp đương sự, việc bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu; việc mang hồ sơ, tài liệu ra khỏi cơ quan, làm việc ngoài giờ hành chính) và chế độ phối hợp công tác liên ngành.

**III. Về hiệu lực của Quy chế**

Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ký Quyết định ban hành và thay thế cho Quy chế công tác kiểm sát thi hành án dân sự, ban hành kèm theo Quyết định số 255/2013/QĐ-VKSNDTC-V10 ngày 19/6/2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

**PHẦN II**

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ**

**CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC XÁC MINH ĐIỀU KIỆN**

**THI HÀNH ÁN VÀ KIỂM SÁT CÁC VỤ VIỆC PHẢI**

**ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN**

**MÀ TÀI SẢN LÀ ĐẤT ĐAI, NHÀ Ở**

**A/ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC XÁC MINH ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN**

Xác minh điều kiện thi hành án là việc làm, cơ sở rất quan trọng của Chấp hành viên, nếu việc xác minh tài sản chính xác sẽ giúp việc ra quyết định và các quyết định về thi hành án có căn cứ, đúng pháp luật, đảm bảo cho bản án, quyết định được thi hành đầy đủ, kịp thời và đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc xác minh điều kiện thi hành án là việc làm rất phức tạp liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, với nhiều quan hệ pháp luật khác nhau, nên quá trình tổ chức xác minh điều kiện thi hành án thường không tránh khỏi thiếu sót, vi phạm ảnh hưởng đến tiến độ tổ chức thi hành án, ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án, người phải thi hành án, người mua tài sản trúng đấu giá, ảnh hưởng đến việc thu hồi tài sản cho nhà nước …. Do vậy, phát hiện kịp thời những thiếu sót, vi phạm trong việc xác minh điều kiện thi hành án là việc làm rất quan trọng là trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân vì Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất được giao nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong công tác thi hành án dân sự. Những năm qua được sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo, Viện kiểm sát nhân dân các cấp công tác kiểm sát thi hành án dân sự đã có nhiều chuyển biến tích cực, đã kịp thời phát hiện những thiếu sót, vi phạm trong công tác thi hành án nói chung và việc xác minh điều kiện thi hành án nói riêng góp phần bảo đảm cho bản án, quyết định được thực thi đầy đủ, kịp thời và đúng pháp luật. Bên cạnh những mặt tích cực, công tác kiểm sát thi hành án dân sự nói chung và kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án nói riêng còn nhiều tồn tại hạn chế mà tập trung vào việc Kiểm sát viên không phát hiện hoặc phát hiện không kịp thời, không đầy đủ những vi phạm trong việc xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên, dẫn đến việc thi hành án bị kéo dài, có nhiều việc gây hậu quả nghiêm trọng khó khắc phục, gây thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan bảo vệ pháp luật. Tồn tại, hạn chế trong kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân Kiểm sát viên không nắm chắc và đầy đủ các quy định của pháp luật về xác minh điều kiện thi hành án, dẫn tới việc tiến hành kiểm sát nhưng không phát hiện vi phạm. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát xác minh điều kiện thi hành án dân sự, cần nghiên cứu đầy đủ các quy định của pháp luật, những nội dung cơ bản, từ đó định hình được một số dạng vi phạm phổ biến trong việc xác minh điều kiện thi hành án và rút ra được những bài học kinh nghiệm khi kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án dân sự.

**I. Quy đinh của pháp luật về xác minh điều kiện thi hành án và kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án**

Muốn kiểm sát tốt việc xác minh điều kiện thi hành án, thì bắt buộc Kiểm sát viên phải nắm chắc quy định của pháp luật về **trình tự, thủ tục, thời hạn phải xác minh điều kiện thi hành án. Hiện tại** việc xác minh điều kiện thi hành án được quy định ở một số văn bản sau:

***Thứ nhất****,* tại Điều 28 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính.

***Thứ hai****,* tại Điều 10 Quy chế công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 810/QĐ-VKSTC ngày 20/12/2016 của Viện trưởng VKSND tối cao, quy định cụ thể về Kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án dân sự**:**

**"** Khi kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát các nội dung sau:

1.Việc bảo đảm thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật THADS 2014; việc chấp hành thời hạn xác minh quy định tại Điều 44 Luật THADS 2014;

2. Văn bản, tài liệu thể hiện hoạt động thực tế xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên; hình thức, thành phần tham gia xác minh, việc lập biên bản xác minh theo quy định tại Điều 44 Luật THADS 2014, Điều 9 Nghị định 62/2015/NĐ-CP.

3. Nội dung kết quả xác minh, thể hiện rõ người phải thi hành án có điều kiện hay không có điều kiện thi hành án; trong trường hợp người phải thi hành án có tài sản để thi hành án thì xác định rõ tình trạng tài sản, tình trạng sở hữu, sử dụng với tài sản; tài sản đó có được giao dịch trước hoặc sau khi có bản án, quyết định của Tòa án hoặc có tranh chấp hay đang do người thứ ba giữ; có được dùng bảo đảm cho giao dịch dân sự hay không v.v…

4. Việc phân loại việc có điều kiện hoặc chưa có điều kiện thi hành án; thẩm quyền, căn cứ của việc ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a Luật THADS 2014; Điều 9 Nghị định 62/2015/NĐ- CP; việc công khai thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo Điều 44a Luật *THADS 2014 và Điều 11 Nghị định 62/2015/NĐ- CP.*

*5. Khi phát hiện có vi phạm trong việc xác minh, phân loại việc có điều kiện hoặc không có điều kiện thi hành án, Viện kiểm sát thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị hoặc kháng nghị để yêu cầu khắc phục vi phạm, xác minh đầy đủ, toàn diện điều kiện thi hành án và phân loại có căn cứ việc thi hành án"*.

***Thứ ba****,* tại Điều 44 Luật thi hành án dân sư (được sửa đổi, bổ sung) năm 2014, về xác minh điều kiện thi hành án, quy định:

*"1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên tiến hành xác minh; trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì phải tiến hành xác minh ngay.*

*Người phải thi hành án phải kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án với cơ quan thi hành án dân sự và phải chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình.*

*2. Trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án thì ít nhất 06 tháng một lần, Chấp hành viên phải xác minh điều kiện thi hành án; trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án là người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án thì thời hạn xác minh ít nhất 01 năm một lần. Sau hai lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh. Việc xác minh lại được tiến hành khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.*

*3. Cơ quan thi hành án dân sự có thể ủy quyền cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, cư trú, làm việc hoặc có trụ sở để xác minh điều kiện thi hành án.*

*4. Khi xác minh điều kiện thi hành án, Chấp hành viên có trách nhiệm sau đây:*

*a) Xuất trình thẻ Chấp hành viên;*

*b) Xác minh cụ thể tài sản, thu nhập, các điều kiện khác để thi hành án; đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm thì còn phải xác minh tại cơ quan có chức năng đăng ký tài sản, giao dịch đó;*

*c) Trường hợp xác minh bằng văn bản thì văn bản yêu cầu xác minh phải nêu rõ nội dung xác minh và các thông tin cần thiết khác;*

*d) Trường hợp người phải thi hành án là cơ quan, tổ chức thì Chấp hành viên trực tiếp xem xét tài sản, sổ sách quản lý vốn, tài sản; xác minh tại cơ quan, tổ chức khác có liên quan đang quản lý, bảo quản, lưu giữ thông tin về tài sản, tài khoản của người phải thi hành án;*

*đ) Yêu cầu cơ quan chuyên môn hoặc mời, thuê chuyên gia để làm rõ các nội dung cần xác minh trong trường hợp cần thiết;*

*e) Lập biên bản thể hiện đầy đủ kết quả xác minh có xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi tiến hành xác minh.*

*5. Người được thi hành án có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh điều kiện thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự.*

*Trường hợp Chấp hành viên thấy cần thiết hoặc kết quả xác minh của Chấp hành viên và người được thi hành án khác nhau hoặc có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thì phải xác minh lại. Việc xác minh lại được tiến hành trong thời hạn* ***05 ngày làm việc****, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh do đương sự cung cấp hoặc nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân.*

*6. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xác minh điều kiện thi hành án:*

*a) Cơ quan, tổ chức, công chức tư pháp - hộ tịch, địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường, cán bộ, công chức cấp xã khác và cá nhân có liên quan thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên và phải chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin đã cung cấp;*

*b) Bảo hiểm xã hội, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; ký vào biên bản trong trường hợp Chấp hành viên xác minh trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản trong thời hạn* ***03 ngày làm việc****, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên, đối với thông tin về tài khoản thì phải cung cấp ngay;*

*c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin khi người được thi hành án hoặc người đại diện theo ủy quyền của người được thi hành án có yêu cầu trong thời hạn* ***05 ngày làm việc****, kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân từ chối cung cấp thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.*

*7. Trường hợp người được thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp hoặc* ***cung cấp thông tin sai sự thật về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, thanh toán các chi phí phát sinh, trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường****"*.

***Thứ tư****,* tại Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 về xác minh điều kiện thi hành án, quy định:

*1. Khi tiến hành xác minh, Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án. Nội dung kê khai phải nêu rõ loại, số lượng tiền, tài sản hoặc quyền tài sản; tiền mặt, tiền trong tài khoản, tiền đang cho vay, mượn; giá trị ước tính và tình trạng của từng loại tài sản; mức thu nhập định kỳ, không định kỳ, nơi trả thu nhập; địa chỉ, nơi cư trú của người chưa thành niên được giao cho người khác nuôi dưỡng; khả năng và điều kiện thực hiện nghĩa vụ thi hành án.*

*Chấp hành viên phải nêu rõ trong biên bản xác minh điều kiện thi hành án về việc đương sự kê khai hoặc không kê khai tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án.*

*Trường hợp người phải thi hành án không kê khai hoặc phát hiện việc kê khai không trung thực thì tùy theo mức độ vi phạm, Chấp hành viên có thể xử phạt hoặc đề nghị người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.*

*2. Trường hợp cần làm rõ thông tin về tài sản, nơi cư trú, nơi làm việc, trụ sở của người phải thi hành án hoặc các thông tin khác liên quan đến việc thi hành án thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thể ủy quyền xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự nơi có thông tin trên.*

*Việc ủy quyền xác minh của cơ quan thi hành án dân sự phải thể hiện bằng văn bản, nêu rõ bên ủy quyền, bên nhận ủy quyền, nội dung ủy quyền và nội dung cần thiết khác. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự nơi nhận ủy quyền phải trả lời bằng văn bản kết quả xác minh và những nội dung cần thiết khác cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy quyền xác minh.*

*Đối với việc xác minh tài sản là* ***bất động sản, động sản phải đăng ký*** *quyền sở hữu, thời hạn xác minh và gửi kết quả xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy quyền là* ***30 ngày****, kể từ ngày nhận được ủy quyền. Trường hợp việc xác minh tài sản khó khăn, phức tạp thì thời hạn xác minh và gửi kết quả xác minh có thể kéo dài nhưng* ***không quá 45 ngày****, kể từ ngày nhận được ủy quyền.*

*Đối với việc xác minh các loại* ***tài sản và thông tin khác****, thời hạn xác minh và gửi kết quả xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy quyền là* ***15 ngày****, kể từ ngày nhận được ủy quyền.*

*3. Trường hợp chưa xác định được địa chỉ và tài sản của người phải thi hành án hoặc chưa xác định được địa chỉ của người phải thi hành án mà theo bản án, quyết định họ phải tự mình thực hiện nghĩa vụ thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án. Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án phải ghi rõ việc thi hành án bị hoãn theo* *Điểm b Khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự.*

*4. Trong thời hạn* ***05 ngày*** *làm việc, kể từ ngày* ***xác định có căn cứ quy định tại*** ***Khoản 1 Điều 44a*** *Luật Thi hành án dân sự, Thủ trưởng cơ quan thi hành án* ***ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án****.*

*Trong thời hạn* ***10 ngày****, kể từ ngày nhận được văn bản của đương sự hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cung cấp* ***thông tin mới về điều kiện*** *thi hành án của người phải thi hành án,* ***Chấp hành viên phải tiến hành xác minh.***

*Sau khi có quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án, nếu người phải thi hành án có điều kiện thi hành án trở lại thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tiếp tục thi hành án.*

*5. Cơ quan thi hành án dân sự chuyển sang* ***sổ theo dõi riêng*** *đối với việc chưa có điều kiện thi hành án trong thời hạn* ***03 ngày làm việc****, kể từ khi có đủ các điều kiện sau:*

*a) Đã* ***hết thời hạn 02 năm****, kể từ ngày ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với trường hợp người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian* ***chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên*** *hoặc* ***không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án*** *hoặc đã* ***hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày ra quyết định về việc chưa có điều kiện*** *thi hành án;*

*b)* ***Đã xác minh ít nhất hai lần theo quy định tại*** ***Khoản 2 Điều 44*** *Luật Thi hành án dân sự;*

*c) Không có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.*

*6. Trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này, nếu người phải thi hành án có điều kiện thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự phải tổ chức việc thi hành án.*

***Thứ năm****,* tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC, về xác minh điều kiện thi hành án, quy định:

*1. Việc xác minh đối với tài sản thuộc diện phải đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản thì tùy từng trường hợp cụ thể mà Chấp hành viên căn cứ vào một trong các giấy tờ sau: hợp đồng mua bán, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc tặng cho, giấy chứng nhận về quyền sở hữu, sử dụng tài sản hoặc thông qua chủ sở hữu, chính quyền địa phương, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, cơ quan chức năng hoặc người làm chứng như xác nhận của người bán, của chính quyền địa phương, cơ quan chức năng về việc mua bán tài sản.*

*2. Đối với* ***trường hợp đình chỉ thi hành án do người được thi hành án chết mà không có người thừa kế*** *thì phải xác minh qua chính quyền địa phương, cơ quan quản lý hộ khẩu, nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được thi hành án. Kết quả xác minh thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng ở trung ương để người có quyền, nghĩa vụ liên quan biết và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo công khai hợp lệ mà không có người khiếu nại thì được coi là có căn cứ đình chỉ thi hành án.*

**II. MỘT SỐ DẠNG VI PHẠM THƯỜNG GẶP KHI KIỂM SÁT VIỆC XÁC MINH ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

**1. Hết thời hạn tự nguyện, nhưng Chấp hành viên không tiến hành xác minh:**

Theo quy định tại Điều 44 Luật THADS, thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên phải tiến hành xác minh.

Qua thực tế theo dõi kết quả kiểm sát ở 01 số địa phương, thường nhầm lẫn không lấy thời điểm thông báo hợp lệ QĐTHA để xác định thời hạn10 ngày sau đó, mà lấy thời điểm ra QĐTHA để dẫn chứng vi phạm việc xác minh là không đúng quy định. Vì có trường hợp chưa thông báo hợp lệ QĐTHA hơn 01 năm, nhưng không thể Kết luận vi phạm về xác minh điều kiện thi hành án, vì người phải thi hành án chưa được thông báo hợp lệ QĐTHA, nên chưa xác định thời điểm để tự nguyện thi hành án.

**2. Trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án nhưng không xác minh theo định kỳ:**

Theo quy định trong trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án thì ít nhất 06 tháng một lần, Chấp hành viên phải xác minh điều kiện thi hành án, nhưng thực tế nhiều trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án nhưng quá 06 tháng, có trường hợp một vài năm Chấp hành viên không tiến hành xác minh. Trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án là người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án thì thời hạn xác minh ít nhất 01 năm một lần. Đối với trường hợp này Chấp hành viên thường bỏ lọt không xác minh*.*

**3. Không thông báo kết quả xác minh cho người được thi hành án**:

Theo quy định sau hai lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành án, thì cơ quan Thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh. Trong thực tế nhiều trường hợp cơ quan Thi hành án khi xác minh không có kết quả mà không thông báo cho người được thi hành án.

**4. Không tiến xác minh khi có thông tin về thi hành án**:

Khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của đương sự hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cung cấp thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, Chấp hành viên phải tiến hành xác minh. Qua kiểm sát phát hiện nhiều việc thi hành án khi có thông tin về thi hành án Chấp hành viên không tiến hành xác minh.

**5. Văn bản ủy quyền xác minh sơ sài**:

Nhiều việc Chấp hành viên ủy quyền cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, cư trú, làm việc hoặc có trụ sở để xác minh điều kiện thi hành án nhưng văn bản uỷ quyền sơ sài, không nêu rõ những vấn đề cần xác minh nên kết quả xác minh không đầy đủ, thiếu khách quan. Dẫn đến thực hiện bổ sung nhiều lần, kéo dài việc thi hành án.

**6. Không xác minh ở cơ quan chức năng đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, giao dịch bảo đảm**

Chấp hành viên khi xác minh điều kiện thi hành án thì việc xác minh không cụ thể về tài sản, thu nhập, các điều kiện khác để thi hành án; đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm thì không xác minh tại cơ quan có chức năng đăng ký tài sản, giao dịch đó. Nhiều trường hợp tài sản thi hành án là vật đặc dụng nhưng Chấp hành viên không yêu cầu cơ quan chuyên môn hoặc mời, thuê chuyên gia để làm rõ các nội dung cần xác minh; Việc xác minh đối với tài sản thuộc diện phải đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản thì tùy từng trường hợp cụ thể mà Chấp hành viên căn cứ vào một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng mua bán, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc tặng cho; Giấy chứng nhận về quyền sở hữu, sử dụng tài sản hoặc xác minh thông qua chủ sở hữu, chính quyền địa phương, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, cơ quan chức năng hoặc người làm chứng.

**7. Biên bản xác minh ghi không đầy đủ thành phần tham gia, không xác định số lượng nhân khẩu tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ hộ gia đình người phải thi hành án, không xác minh tại Tòa án sau khi hết thời hạn thông báo tranh chấp tài sản**

Khi xác minh người phải thi hành án là cơ quan, tổ chức Chấp hành viên không trực tiếp xem xét tài sản, sổ sách quản lý vốn, tài sản; xác minh tại cơ quan, tổ chức khác có liên quan đang quản lý, bảo quản, lưu giữ thông tin về tài sản, tài khoản của người phải thi hành án; Biên bản xác minh không có xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi tiến hành xác minh. Các Biên bản xác minh điều kiện THA do các CHV lập đều không thực hiện xác minh sơ bộ giá trị tài sản trước khi tiến hành thủ tục cưỡng chế kê biên tài sản nhằm đảm bảo kê biên giá trị tài sản tương ứng với nghĩa vụ phải thi hành. Các vi phạm của Chấp hành viên trong xác minh điều kiện thi hành án thường thể hiện ở dạng xác minh không rõ hiện trạng tài sản của người phải thi hành án hoặc xác minh về tài sản chung, tài sản đang có tranh chấp không chi tiết, không rõ ràng làm cho quá trình tổ chức cưỡng chế kê biên tài sản gặp không ít khó khăn. Một số việc thi hành án, Chấp hành viên đã tiến hành các tác nghiệp cần thiết và đúng hướng nhằm tổ chức thi hành án kịp thời, đúng pháp luật song việc thông báo, xác minh về thi hành án thực hiện chưa đầy đủ khiến việc thi hành án bị kéo dài hoặc bị đương sự khiếu nại, tố cáo.

**8. Không tiến hành xác minh lại, khi có thông tin khác với kết quả đã xác minh.**

Nhiều trường hợp Chấp hành viên không xác minh lại khi kết quả xác minh của Chấp hành viên và người được thi hành án khác nhau hoặc có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân. Hoặc có tiến hành xác minh lại nhưng không đúng thời hạn (quá 05 ngày làm việc) kể từ ngày nhận được kết quả xác minh do đương sự cung cấp hoặc nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân.

**9. Tiếp nhận thông tin không đầy đủ nhưng không phát hiện**:

Nhiều thông tin do cơ quan, tổ chức, công chức tư pháp - hộ tịch, địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường, cán bộ, công chức cấp xã khác và cá nhân có liên quan cung cấp nội dung không đầy đủ, thiếu trung thực nhưng Chấp hành viên không phát hiện để yêu cầu cung cấp bổ sung; Bảo hiểm xã hội, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án khi nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên, đối với thông tin về tài khoản thì không cung cấp kịp thời (thời hạn quy định trả lời là 03 ngày làm việc). Chấp hành viên có văn bản yêu cầu cơ quan đăng ký quyền sở hữu cung cấp giao dịch bảo đảm đối với tài sản kê biên, cơ quan đăng ký quyền sở hữu cung cấp thông tin khác về diện tích nhà, diện tích đất, nhưng cơ quan thi hành án không phát hiện, khi giao tài sản trúng đấu giá người phải thi hành án có khiếu nại, Chấp hành viên tiến hành kiểm tra mới phát hiện.

**10. Từ chối, chậm cung cấp thông tin cho cơ quan thi hành án dân sự:**

Nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án không hoặc chưa cung cấp thông tin kịp thời cho cơ quan thi hành án dân sự khi có yêu cầu. Nhưng hết thời hạn 03 ngày theo quy định, Chấp hành viên không tiếp tục có văn bản yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan quản lý của các đơn vị đó có biện pháp phối hợp để đạt kết quả.

**11. Không phát hiện việc người phải thi hành án kê khai thiếu trung thực:**

Khi tiến hành xác minh người phải thi hành án không kê khai trung thực, không cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án; không nêu rõ loại, số lượng tiền, tài sản hoặc quyền tài sản; tiền mặt, tiền trong tài khoản, tiền đang cho vay, mượn; giá trị ước tính và tình trạng của từng loại tài sản; mức thu nhập định kỳ, không định kỳ, nơi trả thu nhập; địa chỉ, nơi cư trú của người chưa thành niên được giao cho người khác nuôi dưỡng; khả năng và điều kiện thực hiện nghĩa vụ thi hành án nhưng Chấp hành viên không phát hiện. Chẳng hạn Chấp hành viên xác minh tại VPĐK sẽ không xác định được tài sản của người phải thi hành án đang quản lý, sử dụng hoặc đã mua của người khác mà chưa đăng ký. Nhưng qua nguồn thông tin của người được thi hành án, người có quyền lợi liên quan cung cấp để xác minh xác định về tài sản của người phải thi hành án.

 **12. Không đôn đốc khi có yêu cầu xác minh**:

 Chấp hành viên không đôn đốc khi có yêu cầu xác minh đối với việc xác minh tài sản là bất động sản, động sản phải đăng ký quyền sở hữu, thời hạn xác minh và gửi kết quả xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy quyền là 30 ngày, kể từ ngày nhận được ủy quyền. Trường hợp việc xác minh tài sản khó khăn, phức tạp thì thời hạn xác minh và gửi kết quả xác minh có thể kéo dài nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được ủy quyền. Đối với việc xác minh các loại tài sản và thông tin khác, thời hạn xác minh và gửi kết quả xác minh cho cơ quan thi hành án dân sự đã ủy quyền là 15 ngày, kể từ ngày nhận được ủy quyền. Hết thời hạn theo luật định kể từ ngày có yêu cầu xác minh cơ quan Thi hành án được uỷ quyền không gửỉ kết quả xác minh nhưng Chấp hành viên không đôn đốc việc gửi kết quả xác minh khi được ủy quyền.

 **13. Không xác minh khi người được thi hành án chết:**

 Đối với trường hợp đình chỉ thi hành án do người được thi hành án chết mà không có người thừa kế thì phải xác minh qua chính quyền địa phương, cơ quan quản lý hộ khẩu, nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được thi hành án. Kết quả xác minh thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng ở trung ương để người có quyền, nghĩa vụ liên quan biết và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo công khai hợp lệ mà không có người khiếu nại thì được coi là có căn cứ đình chỉ thi hành án. Tuy nhiên, trong một số hồ sơ khi có thông tin về người được thi hành án chết, Chấp hành viên không kịp thời xác minh theo quy định.

 **III. MỘT SỐ KINH NGHIỆM KHI KIỂM SÁT VIỆC XÁC MINH ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN**.

 Xác minh điều kiện thi hành án là việc làm rất quan trọng, nếu ngay từ đầu việc xác minh được kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật sẽ góp phần thúc đẩy quá trình tổ chức thi hành bản án, quyết định được kịp thời, đầy đủ và đúng pháp luật. Nếu việc xác minh không chính xác, không đầy đủ sẽ dẫn đến việc thi hành án bị kéo dài, có trường hợp phải bồi thường cho đương sự, có trường hợp do xác minh không đầy đủ Chấp hành viên bị kỷ luật, có trường hợp phải xử lý về mặt hình sự. Mặc dù việc xác minh còn nhiều vi phạm, nhưng việc phát hiện của Kiểm sát viên còn rất hạn chế, nhiều trường hợp Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm của Chấp hành viên mà còn ký vào các biên bản xác minh … nhiều trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng. Đến nay tài liệu hướng dẫn chuyên sâu về kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án chưa có, tài liệu nghiên cứu về kiểm sát việc xác minh điều kiện không nhiều. Để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án chúng tôi xin nêu một số kinh nghiệm khi kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án như sau:

 ***Thứ nhất****,* phải **nắm chắc quy định của pháp luật về xác minh điều kiện thi hành án**, nắm chắc qui định của pháp luật qui định **về thẩm quyền của Viện kiểm sát** trong kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án; **thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật liên quan đến xác minh** điều kiện thi hành án để cập nhật những **quy định bị bãi bỏ**, những **quy định mới**. Cần nắm chắc quy định của pháp luật về **thời hạn xác minh khi hết thời hạn tự nguyện thi hành án**, thời hạn xác minh đối với người chấp hành hình phạt tù, hoặc không xác minh đuợc địa chỉ của người phải thi hành án ….

 ***Thứ hai***, kịp thời phát hiện vi phạm của Chấp hành viên trong việc xác minh điều kiện thi hành án: Hiện tại Luật thi hành án dân sự mới quy định cơ quan Thi hành án dân sự phải gửỉ cho Viện kiểm sát quyết định, các quyết định về thi hành án mà **không quy định gửỉ tài liệu xác minh** điều kiện thi hành án, do đó muốn kiểm sát được kết quả xác minh Kiểm sát viên phải **thông qua nhiều nguồn** như:

 -Thông tin qua các hoạt động nghiệp vụ của VKSND, các cơ quan hữu quan, nguồn tin do nhân dân cung cấp, do Báo, Đài hoặc do Viện kiểm sát cấp trên chuyển đến VKS hoặc vi phạm cụ thể của Chấp hành viên trong hoạt động xác minh điều kiện thi hành án;

 - Qua kiểm sát hồ sơ thi hành án, hồ sơ bán đấu giá tài sản, tài liệu do đương sự cung cấp; tài liệu do Trung tâm dịch vụ bán đấu giá cung cấp; hoặc đối chiếu với tài liệu sẵn có của VKSND.

 - Qua nghiên cứu hồ sơ thi hành án:Hồ sơ nghiệp vụ thi hành án phải thể hiện được toàn bộ quá trình tổ chức thi hành án của Chấp hành viên. Trong quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên phải ghi chép các công việc, lưu giữ tất cả các tài liệu đã và đang thực hiện vào hồ sơ nghiệp vụ thi hành án gồm: Bản án, quyết định; quyết định thi hành án; các biên bản bàn giao, xử lý vật chứng, tài sản đó kê biên, tạm giữ, biên bản xác minh, biên bản giải quyết việc thi hành án (có đầy đủ chữ ký của đương sự trong các trang biên bản)... Phát hiện vi phạm từ việc nghiên cứu hồ sơ thi hành án chủ yếu được thực hiện thông qua công tác trực tiếp kiểm sát thi hành án dân sự hoặc từ việc nghiên cứu hồ sơ thi hành án do cơ quan THADS cung cấp theo yêu cầu của VKS. Đây là trường hợp KSV nghiên cứu hồ sơ, tài liệu về thi hành án và xác minh điều kiện thi hành án toàn diện và đầy đủ nhất, thuận lợi nhất.

 *-* Từ đơn thư khiếu nại, tố cáo về THADS***:*** Trên cơ sở đơn thư khiếu nại, tố cáo về thi hành án hoặc kiểm sát hồ sơ kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về THADS ….

 ***Thứ ba****,* Khi kiểm sát việc xác minh đối với các loại tài sản như ô tô, tầu thuyền, xe máy … là những loại tài sản phải đăng ký quyền sở hữu thì ngoài việc yêu cầu cơ quan quản lý cung cấp thông tin về chủ sở hữu còn phải làm việc với người phải thi hành án xem tài sản đó hiện do ai quản lý, nếu đã chuyển nhượng thì chuyển nhượng ngày tháng năm nào, lý do chưa làm thủ tục sang tên; sau khi biết được người nhận chuyển nhượng phải tiến hành làm việc với người đang quản lý tài sản để xác minh làm rõ việc mua bán là ngay tình hay tẩu tán tài sản. Phải xác minh làm rõ tài sản mới được ra các quyết định tiếp theo tránh tình trạng chỉ mới xác minh ở cơ quan quản lý đã ra quyết định kê biên tài sản …

 ***Thứ tư****,* Kiểm sát việc xác minh tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, Kiểm sát viên cần phân biệt rõ diện tích đất đó là đất cấp hay đất được chuyển nhượng. Đất được cấp thì có đất cấp cho hộ gia đình trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, đối với loại đất này cần yêu cầu Chấp hành viên xác minh làm rõ thời điểm cấp, cấp cho bao nhiêu người, mỗi người được cấp bao nhiêu mét vuông, khi đã làm rõ các thành viên trong hộ gia đình cần lập biên bản xác minh để họ định đoạt phần diện tích; đối với loại đất này chỉ tiến hành kê biên khi đã phân định rõ diện tích của người phải thi hành án trong tổng diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ra đình. Đối với đất cấp cho cá nhân cũng cần làm rõ đất đó hình thành từ nguồn tiền nào (nếu được), có tranh chấp gì không, cần có biên bản làm việc với các thành viên đang sống trên diện tích đó để làm rõ xem có tranh chấp gì không. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên một mình người chồng hoặc vợ thì cũng cần tiến hành xác minh với các thành viên đang sinh sống trong ngôi nhà đó, khi làm việc cần lập biên bản và ghi đầy đủ ý kiến của các thành viên và những người liên quan. Đối với Giấy chứng nhận cấp mang tên của cả vợ và chồng thì ngoài xác minh đối với vợ chồng thì cũng cần xác minh với các thành viên trong gia đình và người liên quan (nếu có). **Tóm lại**: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đứng tên cá nhân, đứng tên vợ, chồng, cấp cho hộ gia đình thì việc kiểm sát xác minh cần làm chặt chẽ phải có biên bản xác minh đối với từng thành viên trong gia đình và người liên quan (nếu có) nhằm hạn chế việc tranh chấp sau khi tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thi hành án (tài sản sạch)…

 ***Thứ năm****,*Về công tác chỉ đạo, điều hành**:**Trước hết, lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp cần nhận thức, đánh giá đúng tầm quan trọng của công tác kiểm sát THADS nói chung và công tác kiểm sát việc tổ chức xác minh điều kiện thi hành án dân sự nói riêng, để có sự đầu tư đúng, đủ, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của khâu công tác này. Lãnh đạo VKS các cấp cần quan tâm hơn nữa để đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành nhằm tạo được bước chuyển rõ rệt đối với công tác này. Theo đó: Đề nghị Lãnh đạo VKSND các cấp tiếp tục chỉ đạo đổi mới kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ sung biên chế, bố trí sắp xếp cán bộ hợp lý, ổn định theo hướng chuyên sâu công tác kiểm sát THADS.

 ***Thứ sáu****,*Về tổ chức cán bộ: Cần thay đổi nhận thức “*công tác kiểm sát thi hành án dân sự là đơn giản, không quan trọng bằng các khâu công tác khác”* để mỗi công chức, KSV nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác kiểm sát thi hành án dân sự để nâng cao chất lượng công tác kiểm sát THADS nói chung và công tác kiểm sát việc tổ chức xác minh điều kiện thi hành án dân sự nói riêng; cần tăng cường ý thức trách nhiệm, kỷ luật; tự giác học tập, đúc rút kinh nghiệm, nghiên cứu kịp thời các văn bản pháp luật mới ban hành, tích cực học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp để nâng cao trình độ, nắm vững các quy định của pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh nghề nghiệp từ đó xác định chính xác vi phạm của cơ quan THADS và các cơ quan liên quan, kịp thời tham mưu cho lãnh đạo Viện ban hành kiến nghị, kháng nghị nhằm khắc phục các vi phạm trong hoạt động THADS.

 ***Thứ bảy****,*Về công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ:Cần xây dựng giáo trình hướng dẫn chuyên sâu về kiểm sát xác minh điều kiện thi hành án để đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm sát THADS nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phổ biến kịp thời văn bản pháp luật mới liên quan đến việc tổ chức xác minh điều kiện THADS để công chức, Kiểm sát viên cập nhật kịp thời. VKSND tối cao và VKSND cấp tỉnh quan tâm bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu cho đội ngũ công chức, KSV làm công tác kiểm sát THADS. Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn là cơ sở quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm sát THADS. Tích cực tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho công chức toàn Ngành về công tác kiểm sát THADS theo hướng chuyên sâu để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ; Thông báo và khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân làm tốt công tác công tác kiểm sát việc tổ chức xác minh điều kiện thi hành án dân sự.

 ***Thứ tám****,* về quan hệ phối hợp:Quan hệ phối hợp trong công tác kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án là việc làm rất cần thiết. Để việc kiểm sát việc xác minh được kịp thời, đầy đủ và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, thì Viện kiểm sát các cấp cần đưa vào quy chế phối hợp với cơ quan thi hành án, quy định rõ trong thời hạn nhất định sau khi xác minh điều kiện thi hành án Chấp hành viên phải phô tô biên bản xác minh gửỉ cho Viện kiểm sát để việc kiểm sát được kịp thời. Đối với các đơn vị trong Ngành cần thực hiện tốt sự phối hợp ngang cấp và cấp dưới, khi cần thiết cần báo cáo, thỉnh thị VKSND cấp trên trực tiếp để nhận được quan điểm chỉ đạo, từ đó nghiên cứu, vận dụng nhằm kiểm sát THADS hiệu quả, đúng pháp luật. Đồng thời, cần quản lý đầy đủ tình hình chấp hành pháp luật và xử lý kịp thời những vi phạm và tội phạm xảy ra trong THADS.Ngoài việc phối hợp với cơ quan Thi hành án dân sựcũng cần đẩy mạnh mối quan hệ phối hợp với cơ quan hữu quan để kịp thời phát hiện những vi phạm trong việc xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên.

Nâng cao chất lượng công tác kiểm sát THADS nói chung và kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án dân sự nói riêng là việc làm cần thiết của VKSND. Chỉ có kiểm sát tốt ngay từ giai đoạn xác minh điều kiện thi hành án mới đảm bảo cho việc thi hành bản án, quyết định được kịp thời, đầy đủ và đúng pháp luật. Phát hiện vi phạm trong xác minh điều kiện thi hành án càng sớm thì việc khắc phục hậu quả càng nhẹ, làm tốt việc kiểm sát xác minh điều kiện thi hành án không đơn thuần chỉ là việc hạn chế tổn thất trong tổ chức thi hành án mà còn nâng cao vị thế của Viện kiểm sát nhân dân. Trên cơ sở tài liệu tập huấn và bài phát biểu này rất mong các quý vị đại biểu tham gia góp ý, trao đổi, nêu nhiều kinh nghiệm hay về kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án để Viện kiểm sát nhân dân Khánh Hòa xây dựng thành tài liệu hướng dẫn kiểm sát việc xác minh điều kiện thi hành án dân sự sát với thực tiễn.

**B/CÔNG TÁC KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

**ĐỐI VỚI CÁC VỤ VIỆC PHẢI ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ**

**MÀ TÀI SẢN THI HÀNH ÁN LÀ ĐẤT ĐAI, NHÀ Ở**

Để các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực, được thi hành triệt để, Luật THADS 2008 cũng như Luật sửa đổi, bổ sung năm 2014 đã dành một chương (Chương IV) trong tổng số 11 chương với 56 điều trong tổng số 183 điều của Luật quy định về “Biện pháp bảo đảm và cưỡng chế THA” để các cơ quan THADS áp dụng trong quá trình tổ chức thi hành án. Như vậy, có thể thấy trong công tác THADS, những vụ việc THA phải tiến hành cưỡng chế (mà tài sản để THA là đất đai, nhà ở) có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác THADS nói chung và cũng rất quan trọng đối với người được THA cũng như người phải THA nói riêng. Và trong thực tiễn công tác Kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND đối với công tác THADS trong những năm qua; cũng đã ghi nhận các vụ việc THADS liên quan đến tài sản THA là đất đai, nhà ở (nhất là những vụ việc phải cưỡng chế thi hành) đang có những diễn biến phức tạp (đặc biệt là ở các đô thị và những nơi nền kinh tế thị trường phát triển sôi động).

Nhận thức như vậy, Viện trưởng VKSNDTC đưa vào Kế hoạch số 03/KH-VKSTC ngày 28/12/2016 về Công tác trọng tâm của KSTHADS toàn ngành xây dựng chuyên đề ***“Thực trạng và giải pháp nâng cao vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong kiểm sát các vụ cưỡng chế tài sản thi hành án là đất đai, nhà ở”.***

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SÁT ĐỐI VỚI CÁC VỤ VIỆC THADS PHẢI ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ ĐỐI VỚI TÀI SẢN LÀ ĐẤT ĐAI, NHÀ Ở TRONG NĂM 2016**

**1. Kết quả hoạt động kiểm sát**

***1.1. Kết quả công tác kiểm sát***

Trong năm 2016 (từ 01/12/2015 đến 30/11/2016) theo số liệu tổng hợp từ 63 tỉnh, thành phố trong cả nước thì Viện kiểm sát nhân dân các địa phương đã tiến hành kiểm sát tổng số 31.667.652 vụ việc THADS liên quan đến tài sản thi hành án là đất đai và nhà ở; trong đó, số vụ việc phải tiến hành cưỡng chế là: 5.557 vụ việc (**Khánh Hòa 124 việc**).

Qua công tác kiểm sát đối với các vụ việc THADS phải tiến hành cưỡng chế mà tài sản THA là đất đai, nhà ở; Viện kiểm sát các địa phương đã phát hiện nhiều vi phạm của cơ quan thi hành án và kịp thời ban hành các văn bản yêu cầu, Kiến nghị, Kháng nghị khắc phục vi phạm.

 Đã phát hiện 387 vi phạm của cơ quan Thi hành án dân sự (**Khánh Hòa 05 việc**). Các vi phạm tập trung vào một số điều của Luật THADS năm 2014 cụ thể như sau:

- Điều 69. Tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản (14 vi phạm ở 5 tỉnh, chiếm 3,6%).

- Điều 74. Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án (11 vi phạm ở 6 tỉnh, chiếm 2,8%).

- Điều 88. Thực hiện việc kê biên; Điều 111. Kê biên quyền sử dụng đất (22 vi phạm ở 8 tỉnh, chiếm 5,7%).

- Điều 89. Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm (29 vi phạm ở 5 tỉnh, chiếm 7,5%).

- Điều 98. Định giá tài sản kê biên (153 vi phạm ở 10 tỉnh, chiếm 39,5% chiếm tỷ trọng cao nhất trong các loại vi phạm; trong đó **Khánh Hòa 01 VP**).

- Điều 99. Định giá lại tài sản kê biên (01 vi phạm ở 1 tỉnh, chiếm 0,2%).

- Điều 101. Bán tài sản đã kê biên (113 vi phạm ở 6 tỉnh, chiếm 29,2%; trong đó **Khánh Hòa 03 VP**).

- Điều 104. Xử lý tài sản bán đấu giá không thành (37 vi phạm ở 4 tỉnh, chiếm 9,6%).

- Điều 115. Cưỡng chế trả nhà, giao nhà (03 vi phạm ở 2 tỉnh, chiếm 0,8%; trong đó **Khánh Hòa 01**).

- Điều 117. Cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất (04 vi phạm ở 03 tỉnh, chiếm 01%).

Qua đó, cho thấy vi phạm chủ yếu tập trung việc định giá tài sản kê biên (153 vi phạm, chiếm 39,5%) và bán tài sản đã kê biên (113 vi phạm, chiếm 29,2%)

***1.2. Phát hiện vi phạm và yêu cầu khắc phục***

Thông qua kết quả kiểm sát, nhiều Viện kiểm sát nhân dân ở các điạ phương đã tổng hợp vi phạm của cơ quan THADS cũng như các cơ quan hữu quan để ban hành văn bản yêu cầu, kiến nghị, hoặc kháng nghị với các cơ quan có trách nhiệm trong công tác THADS, góp phần đảm bảo cho công tác THADS thực hiện đúng các quy định của pháp luật về THADS.

Trong năm 2016, VKSND 2 cấp ở 63 tỉnh, thành phố đã ban hành 219 văn bản, trong đó có 64 yêu cầu (**Khánh Hòa 01**), 125 kiến nghị (**Khánh Hòa 02**), 30 kháng nghị. Hầu hết đều được cơ quan THADS cũng như các cơ quan hữu quan chấp nhận, tiếp thu, khắc phục.

**2. Những dạng vi phạm được phát hiện**

***2.1. Vi phạm của Chấp hành viên và cơ quan thi hành án dân sự***

- Vi phạm trong việc xác minh không đầy đủ.

- Vi phạm về việc không tống đạt hoặc chậm tống đạt các quyết định, thông báo cưỡng chế cho đương sự.

- Vi phạm khi lập biên bản cưỡng chế kê biên; Khi tiến hành kê biên quyền sử dụng đất chỉ kê biên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế để lập biên bản ghi rõ vị trí, diện tích, ranh giới thửa đất được kê biên; không kê biên theo thực tế hiện trạng tài sản đẫn đến thừa hoặc thiếu tài sản.

- Vi phạm về việc kê biên tài sản không phải của người phải thi hành án.

- Vi phạm về quyền lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản kê biên.

- Vi phạm về việc không thông báo quyền thỏa thuận giá và quyền lựa chọn trung tâm thẩm định giá cho đương sự.

- Vi phạm thủ tục cưỡng chế, kê biên, đấu giá tài sản kê biên.

- Vi phạm của Chấp hành viên khi cưỡng chế, kê biên tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng, của hộ gia đình: Việc CHV tiến hành cưỡng chế, kê biên tài sản THA đối với tài sản chung vợ chồng nhưng không thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Luật THADS năm 2014, dẫn đến sau khi cưỡng chế, kê biên thì bị các đồng sở hũu khiếu nại, làm cho việc THA bị kéo dài.

- Do không nắm bắt được tình hình, các thông tin cần thiết liên quan đến ý thức, thái độ chấp hành, quan điểm ủng hộ của những hộ dân xung quanh dẫn đến việc xây dựng kế hoạch cưỡng chế không sát, không tính đến tình huống bất ngờ có thể xảy ra.

***2.2. Vi phạm của cơ quan hữu quan***

- Cơ quan quản lý tài nguyên môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chưa cung cấp thông tin đầy đủ cho cơ quan thi hành án về những yêu cầu xác minh những trường hợp có liên quan đến đất đai, nhà ở như về loại đất, sai thửa, trùng thửa, lẫn thửa; không phân định chính xác đất cấp cho hộ gia đình, hay cấp cho cá nhân; chậm trễ hoặc không phản hồi với đề nghị xác định vị trí, các mốc giới, cũng như xác định diện tích đối với các hộ gia đình hoặc cá nhân được giao quyền sử dụng đất; còn chậm cung cấp thông tin, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, làm kéo dài thời gian tổ chức THA.

- Chính quyền cơ sở (cấp phường, xã, thị trấn) ở các địa phương còn thiếu sự phối hợp, thậm chí còn né tránh trong việc xác minh đối với những việc tổ chức thi hành án do có mối quan hệ người thân, hàng xóm. Không cung cấp thông tin, điều kiện thi hành án; chậm cung cấp thông tin; không thực hiện yêu cầu của cơ quan thi hành án theo quy định của pháp luật, gây khó khăn, ách tắc trong quá trình tác nghiệp của cơ quan thi hành án; không làm tròn chức năng quản lý, xử lý cưỡng chế hành chính đối với những vi phạm hành chính của người phải thi hành án làm ảnh hưởng đến tiến độ thi hành án.

- Cơ quan Công an không cử lực lượng tham gia cưỡng chế; hoặc cử lực lượng tham gia cưỡng chế nhưng lực lượng mỏng, né tránh trong việc phối hợp cưỡng chế do ngại phải giải quyết những phát sinh.

- Một số trường hợp Cơ quan chuyên môn không cử người tham gia cưỡng chế mà yêu cầu phải ký hợp đồng dịch vụ.

- Vi phạm của tổ chức bán đấu giá: Việc công khai, niêm yết thông tin về tài sản bán đấu giá theo quy định; Người trúng đấu giá vi phạm về thời hạn nộp tiền trúng đấu giá nhưng tổ chức bán đấu giá vẫn thu tiền và chuyển hồ sơ bán đấu giá, tiền cho cơ quan THADS để làm thủ tục giao tài sản dẫn tới người phải thi hành án khiếu nại không giao tài sản.

**II. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA**

Việc tổng hợp kết quả kiểm sát và phát hiện vi phạm qua những vụ việc THA phải cưỡng chế đối với tài sản thi hành án là đất đai, nhà ở của Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố có thể còn chưa đầy đủ; xong thấy nổi lên một số điểm cần chú ý sau:

- Vấn đề “định giá tài sản kê biên” (39,5% tỷ trọng vi phạm được phát hiện, cao nhất) chủ yếu là chậm ký hợp đồng thẩm định giá và “bán tài sản đã kê biên” (29,2% tỷ trọng vi phạm được phát hiện, thứ 2) đang nổi lên như một điểm nóng, một vấn đề nhạy cảm trong công tác THADS cần được chú ý, tập trung nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân để kiến nghị, kháng nghị khắc phục triệt để.

- Về vi phạm Điều 74 Luật THADS (nhất là vi phạm khoản 3) của Chấp hành viên và cơ quan thi hành án dẫn đến khiếu nại kéo dài gây khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước nhất là khi giải quyết hậu quả để lại. Vi phạm điển hình là:

+ Người có tài sản sở hữu chung không được ưu tiên mua tài sản trước khi bán đấu giá tài sản;

+ Chấp hành viên khi bán đấu giá tài sản xong không trả cho người có quyền sở hữu chung tài sản, đã thanh toán tiền cho người được thi hành án;

Nhưng nhiều đơn vị không phát hiện được sai phạm của Chấp hành viên khi cưỡng chế tài sản của người phải thi hành án là tài sản thuộc sở hữu chung.

Qua kết quả KSTT, vẫn còn một số hồ sơ thi hành án liên quan đến cưỡng chế đất đai và nhà ở do Cục Thi hành án dân sự tỉnh cũng như các Chi cục THADS cấp huyện tổ chức thi hành không ban hành văn bản yêu cầu cơ quan đăng ký, quản lý nhà nước cung cấp thông tin về hiện trang tài sản cũng như hồ sơ quản lý đối với tài sản bị kê biên; và sau khi kê biên thì hầu như không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước biết để đảm bảo đúng quy định để tránh sai sót trong quản lý khi có sự biến động về tài sản, theo quy định tại Điều 89 Luật thi hành án dân sự, dẫn tới khiếu nại của đương sự (khi bán đấu giá tài sản thành và không giao được tài sản).

**III. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KIỂM SÁT**

**1. Kỹ năng phát hiện vi phạm**

- Để có được kỹ năng phát hiện các vi phạm của cơ quan THADS, cán bộ, kiểm sát viên làm công tác kiểm sát THADS trước hết phải nắm chắc các văn bản quy phạm pháp luật về THADS, những nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến THADS như: Luật dân sự, Luật đất đai, Luật nhà ở, Luật hôn nhân gia đình v.v. Nhận dạng được các dạng vi phạm cơ bản, thường xảy ra trong quá trình tổ chưc THADS, nhất là trong cưỡng chế, kê biên thi hành án.

Đồng thời, cần nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để có kỷ năng đánh giá, nhận định các vấn đề phát sinh trong việc tổ chức THA, trong đó có cưỡng chế, kê biên tài sản. Nắm vững chức năng, quyền hạn của Viện kiểm sát và vai trò trách nhiệm của Kiểm sát viên để có kỹ năng xử lý tình huống nhạy bén và đúng pháp luật.

- Khi kiểm sát việc tổ chức thi hành án Kiểm sát viên cần chú ý xem Chấp hành viên và cơ quan THADS có thi hành đúng nội dung bản án, quyết định của Tòa án hay không? Việc áp dụng luật có đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án hay không?

- Quá trình trực tiếp kiểm sát việc cưỡng chế, kê biên tài sản, phải nắm chắc hồ sơ thi hành án; kiểm sát chặt chẽ việc chấp hành pháp luật của các thành viên tham gia cưỡng chế, kê biên; đối chiếu các quy định của Luật thi hành án dân sự và các văn bản liên quan hướng dẫn công tác thi hành án.

- Khi tham gia kiểm sát cưỡng chế, Kiểm sát viên cần chú ý Hội đồng kê biên có tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế để lập biên bản ghi rõ vị trí, diện tích, ranh giới thửa đất được kê biên, theo quy định tại khoản 2 Điều 88, Điều 111 Luật thi hành án dân sự; tránh trường hợp khi kê biên chỉ ghi các thông số theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hoặc lập biên bản không ghi rõ vị trí, diện tích, ranh giới thửa đất được kê biên; kê biên không theo hiện trạng tài sản.

- Kiểm sát trực tiếp quá trình kê biên cưỡng chế tại buổi kê biên cưỡng chế tài sản THA: Kiểm sát viên cần nhạy bén, linh hoạt quan sát được toàn bộ diễn biến xảy ra, mỗi việc phát sinh đều phải có sự cân nhắc, đối chiếu với quy định của pháp luật để xác định thao tác nghiệp vụ của Chấp hành viên chủ trì buổi kê biên cưỡng chế và các thành viên cơ quan chuyên môn phối hợp, xem xét việc CHV xử lý khi phát sinh tình huống ngoài dự liệu có đúng quy định của pháp luật không. Biên bản kê biên cưỡng chế có phản ánh đúng và đầy đủ diễn biến cuộc kê biên cưỡng chế không …Nếu phát hiện có vi phạm trước, trong và sau cuộc kê biên cưỡng chế của CHV hoặc các cơ quan có liên quan phối hợp thì có văn bản yêu cầu, kiến nghị hoặc kháng nghị để khắc phục vi phạm, bảo đảm cho công tác THADS đạt hiệu quả, đúng pháp luật.

- Khi kiểm sát việc thực hiện cưỡng chế kê biên, Kiểm sát viên cần phối hợp với Chấp hành viên chú trọng công tác giáo dục, thuyết phục động viên người phải thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Khi kiểm sát việc bán đấu giá tài sản, cần đảm bảo việc bán đấu giá đúng quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản theo Nghị định 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ và hiện nay là Luật đấu giá tài sản (có hiệu lực từ ngày 01/7/2017).

- Về thẩm quyền, căn cứ, đối tượng, thời hạn, thủ tục áp dụng biện pháp cưỡng chế của Cơ quan thi hành án dân sự; tài sản cưỡng chế có thuộc loại tài sản được kê biên theo quy định và có phải là tài sản riêng của người phải thi hành án không; nếu trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung phải kiểm sát việc Chấp hành viên đã thực hiện các thủ tục thông báo cho chủ sở hữu chung biết việc cưỡng chế và các thủ tục khác theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự và Điều 24 Nghị định 62/NĐ - CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ chưa.

- Đối với việc cưỡng chế phải huy động lực lượng thì khi xây dựng Kế hoạch cưỡng chế phải tuân thủ đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 73 của Luật thi hành án dân sự. Việc dự trù chi phí cưỡng chế có hợp lý không; việc gửi kế hoạch cưỡng chế cho Viện kiểm sát và các cơ quan liên quan có đúng thời gian quy định không; các thủ tục thông báo về việc cưỡng chế có đầy đủ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và các thành viên tham gia cưỡng chế có đầy đủ thành phần theo quy định đối với từng loại tài sản được kê biên không;

- Khi cưỡng chế, kê biên, Chấp hành viên có cho đương sự thỏa thuận về giá đối với tài sản kê biên không, cũng như việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá trong trường hợp không thỏa thuận được về giá.

Qua kiểm sát, kịp thời phát hiện được các vi phạm để có biện pháp yêu cầu khắc phục phù hợp.

***Tóm lại: Về kỹ năng kiểm sát đối với các vụ viêc cưỡng chế THA mà tài sản là đất đai nhà ở, cần chú ý:***

*1.1. Trước khi tổ chức cưỡng chế, kê biên:*

- Thẩm quyền, căn cứ, đối tượng, thời hạn, thủ tục áp dụng đối với biện pháp cưỡng chế; việc lập kế hoạch cưỡng chế thi hành án trong trường hợp cần huy động lực lượng;

- Việc lập dự toán, tạm ứng.

- Việc kê biên tài sản thuộc sở hữu chung theo Điều 74 Luật THADS.

- Thủ tục kê biên tài sản, chú ý những tài sản không được kê biên, thủ tục kê biên với các loại tài sản khác nhau theo các Điều 87, 88 Luật THADS 2014; Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP;

- Yêu cầu cơ quan quản lý cung cấp thông tin về tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm theo Điều 89 Luật THADS 2014;

- Thông báo cho người nhận cầm cố thế chấp biết trước việc kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp theo Điều 90 Luật THADS 2014; Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP;

- Việc kê biên tài sản của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ theo Điều 91 Luật THADS 2014;

- Việc bảo quản tài sản thi hành án; việc xác định, phân chia, xử lý tài sản chung, tài sản có tranh chấp để thi hành án;

*1.2. Kiểm sát việc tổ chức THA trong khi kê biên tài sản:*

- Việc kê biên phải đúng hiện trạng tài sản theo Điều 88 Luật THADS

- Việc kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm theo Điều 89 Luật THADS.

- Việc kê biên tài sản gắn liền với đất theo Điều 94 Luật THADS 2014.

- Việc kê biên nhà ở theo Điều 95 Luật THADS 2014;

- Bảo quản tài sản kê biên theo Điều 58 Luật THADS.

*1.3. Kiểm sát việc tổ chức THA sau khi kê biên tài sản:*

- Thẩm định giá, định giá và định giá lại tài sản kê biên theo Điều 98 và Điều 99 Luật THADS 2014;

- Việc tạm giao quản lý, sử dụng, khai thác diện tích đất đã kê biên; việc xử lý tài sản gắn liền với đất đã kê biên (theo quy định tại các Điều 89, 110, 111, 112 và 113 Luật THADS 2014);

- Việc tổ chức thẩm định giá, bán tài sản (theo quy định tại các Điều 98, 99, 101, 102, 103 và 104 Luật THADS 2014; các Điều 25, 26, 27, 30 và 31 Nghị định 62/2015/NĐ-CP; các quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản;

- Kiểm sát việc giao tài sản, bán tài sản đã kê biên để thi hành án (trong đó có việc bán đấu giá tài sản kê biên); việc bảo đảm quyền của người mua tài sản bán đấu giá, người nhận tài sản để thi hành án; việc hủy kết quả bán đấu giá, việc xử lý tài sản không có người tham gia đấu giá hoặc bán đấu giá không thành; việc giải tỏa kê biên; việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản; thủ tục thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án (theo quy định từ Điều 100 đến 106 Luật THADS 2014; các Điều 27, 28 và 49 Nghị định 62/2015/NĐ-CP).

*\*. Khi cần kiểm sát hoạt động thẩm định giá hoặc bán đấu giá tài sản*:

- Yêu cầu tổ chức thẩm định giá cung cấp hồ sơ thẩm định giá theo điểm b, khoản 3, Điều 7, Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 23/8/2014 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu tổ chức bán đấu giá cung cấp hồ sơ bán đấu giá theo Công văn số 1568/BTP-BTTP ngày 29/02/2012 của Bộ Tư pháp.

**2. Trình tự thao tác nghiệp vụ**

- Viện Kiểm sát hai cấp chú trọng tập trung thực hiện kiểm sát 100% các vụ việc cưỡng chế kê biên của Cơ quan thi hành án dân sự, trong đó có việc tổ chức thi hành án liên quan đến việc xử lý tài sản là đất đai, nhà ở.

- Trước khi thực hiện chức năng kiểm sát cưỡng chế, kê biên thi hành án theo quy chế phối hợp giữa 2 ngành hoặc họp liên ngành (Thi hành án, Kiểm sát, Công an). Cơ quan Thi hành án dân sự phải chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu với thời gian từ 3 đến 5 ngày, cán bộ, Kiểm sát viên được phân công phải lập hồ sơ kiểm sát, nghiên cứu và báo cáo đề xuất để Lãnh đạo Viện cho ý kiến trước khi thực hiện chức năng kiểm sát cưỡng chế, kê biên tài sản.

- Trước khi tham gia cưỡng chế kê biên, Kiểm sát viên cần nắm vững quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật thi hành án dân sự và các văn bản liên quan hướng dẫn công tác thi hành án, đồng thời nghiên cứu hồ sơ thi hành án. Đối với các hồ sơ chưa đầy đủ thủ tục thì yêu cầu Chấp hành viên cung cấp đầy đủ, kịp thời các thủ tục còn thiếu, nếu đó là vi phạm cần thiết khắc phục mới đảm bảo việc cưỡng chế, thì đề xuất Lãnh đạo từ chối tham gia việc cưỡng chế kê biên, đồng thời có văn bản Kiến nghị hoặc Kháng nghị vi phạm, yêu cầu khắc phục trước khi cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

- Quá trình thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Chấp hành viên, của cơ quan thi hành án dân sư và của Hội đồng cưỡng chế, kê biên, Kiểm sát viên phải quan sát các diễn biến xảy ra, trình tự thực hiện cưỡng chế, kê biên của Chấp hành viên chủ trì cưỡng chế, kê biên triển khai có đúng quy định pháp luật không; các thao tác của từng bộ phận chuyên môn tham gia phối hợp của Hội đồng cưỡng chế, kê biên. Việc tổng hợp các nội dung đưa vào biên bản đã đúng và đầy đủ chưa, nếu chưa đúng, chưa đầy đủ thì phải có ý kiến, yêu cầu Chủ tịch Hội đồng cưỡng chế, kê biên phải bổ sung cho đầy đủ. Sau khi biên bản được thông qua, những người tham gia không ai có ý kiến gì thì chốt biên bản, khi ký biên bản, Kiểm sát viên phải ký nháy vào từng trang biên bản.

- Đối với những vụ việc có tính chất phức tạp cần cử Kiểm sát viên có kinh nghiệm, nghiên cứu kỹ các văn bản pháp luật, Quy chế kiểm sát thi hành án dân sự, tiến hành họp hai ngành trao đổi thống nhất từng nội dung đối với cơ quan thi hành án.

**PHẦN III**

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP**

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KHÁNG NGHỊ, KIẾN NGHỊ**

**CỦA VKSND TRONG KIỂM SÁT THADS, HC**

**I- Các quy định của pháp luật về kháng nghị, kiến nghị trong kiểm sát THADS, HC**

Kháng nghị, kiến nghị là một trong nhiều nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng của Viện kiểm sát nhân dân khi thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự, thi hành án hành chính nói riêng; được quy định tại các điều 5, 28 và 30 (trong lĩnh vực kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp) của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014; các điều 12, 64 (kháng nghị quyết định của Tòa án về miễn giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước), 160, 161 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 (sau đây gọi là Luật THADS 2014).

Để thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị, Quy chế công tác kiểm sát THADS, HC có quy định kỹ năng thực hiện hai quyền hạn này tại các Điều 34, 35 và 36 (kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định của Tòa án trong việc xét miễn giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước).

***1- Kháng nghị:***

Theo quy định tại Điều 5 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm phải kháng nghị đối với những hành vi và quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm quyền con người, quyền công dân, lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; cơ quan và người có thẩm quyền phải giải quyết kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 160 và Điều 161 Luật THADS năm 2014, thời hạn kháng nghị của VKSND cùng cấp là 15 ngày, của VKSND cấp trên trực tiếp là 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc phát hiện hành vi vi phạm. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kháng nghị, Thủ trưởng Cơ quan THADS phải trả lời kháng nghị của Viện kiểm sát; trường hợp chấp nhận kháng nghị thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản trả lời kháng nghị, Thủ trưởng Cơ quan THADS phải thực hiện kháng nghị. Trong trường hợp không nhất trí với kháng nghị thì Thủ trưởng Cơ quan THADS phải báo cáo với Thủ trưởng Cơ quan THADS (hoặc cơ quan quản lý thi hành án dân sự) cấp trên và VKSND cấp trên. Cơ quan THADS cấp trên phải xem xét, trả lời trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo.

Như vậy, việc thực hiện tốt quyền kháng nghị trong kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và trong kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự nói riêng phản ánh tinh thần trách nhiệm cao của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên nơi ban hành kháng nghị trong việc đã phát hiện được vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động thi hành án, thể hiện thái độ kiên quyết đối với yêu cầu khắc phục vi phạm, bảo vệ quyền và lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

***2- Kiến nghị:***

Theo quy định tại Điều 5 Luật Tổ chức VKSND 2014, trường hợp hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp có vi phạm pháp luật ít nghiêm trọng, không thuộc trường hợp kháng nghị thì VKSND kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân đó khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý nghiêm minh người vi phạm pháp luật; nếu phát hiện sơ hở, thiếu sót trong hoạt động quản lý thì kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan khắc phục và áp dụng các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm xem xét, trả lời kiến nghị của VKSND theo quy định của pháp luật.

Theo điểm đ khoản 2 Điều 12 Luật THADS 2014 quy định: Khi kiểm sát THADS, VKSND có nhiệm vụ, quyền hạn kiến nghị xem xét hành vi, quyết định liên quan đến thi hành án có vi phạm pháp luật ít nghiêm trọng của Tòa án, cơ quan THADS cùng cấp hoặc cấp dưới yêu cầu khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý người vi phạm; kiến nghị cơ quan, tổ chức liên quan có sơ hở, thiếu sót trong hoạt động quản lý khắc phục nguyên nhân, điều kiện dẫn tới vi phạm pháp luật và áp dụng các biện pháp phòng ngừa.

Riêng đối với hoạt động kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động THADS (là một nội dung của công tác kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp), theo Điều 30 Luật Tổ chức VKSND 2014 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp, *VKSND thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị theo quy định của pháp luật.* Theo Điều 159 Luật THADS 2014 quy định: Viện KSND kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về THADS theo quy định của pháp luật. VKSND có *kiến nghị đối với Cơ quan THADS cùng cấp và cấp dưới, cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm để đảm bảo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo có căn cứ, đúng pháp luật.* Ngoài ra, để thực hiện quyền hạn kiến nghị trong kiểm sát THADS, cần tuân thủ quy định tại Quy chế 810 và Quy chế 51 của Viện trưởng VKSNDTC (về kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp).

Ngoài những quy định nêu trên về kháng nghị, kiến nghị của VKSND trong kiểm sát THADS và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong THADS; theo Điều 315 Luật Tố tụng hành chính có quy định: “Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật của đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án (về vụ án hành chính), bảo đảm việc thi hành bản án, quyết định kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kiến nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thi hành án hành chính và cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức phải chấp hành bản án, quyết định của Tòa án để có biện pháp tổ chức thi hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định của Tòa án”. Theo quy định này, khi kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính (trừ trường hợp thi hành phần về tài sản trong bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính), VKSND có quyền kiến nghị mà không có quyền kháng nghị.

**II-Thực trạng công tác kháng nghị, kiến nghị trong kiểm sát THADS, HC của VKSND 02 cấp ở Khánh Hòa (số liệu 3 năm 2014, 2015 và 2016)**

***1- Số liệu thống kê:***

1.1**Về kiến nghị**:

Trong 3 năm,VKSND hai cấp ở Khánh Hòa đã ban hành 76 Kiến nghị ( tỉnh 27, huyện 49). Trong đó: 15 đối với TAND, 58 đối với Cơ quan THADS, 03 đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan.Số bản kiến nghị được chấp nhận 76 đạt tỉ lệ 100%.

 *( Theo số liệu 3 năm 2014, 2015 và 2016 của VKSND các cấp do Vụ 11 VKSNDTC báo tại Hội nghị tập huấn: Ban hành 5.152 bản kiến nghị( tỉnh 744, huyện 4408); 547 bản đối với TAND,4434 đối với cơ quan THADS,171 tổ chức liên quan.*

*Số bản kiến nghị được chấp nhận 5110 bản ; có 06 bản kiến nghị được chấp nhận sau khi được VKS cấp trên bảo vệ hoặc có sự chỉ đạo của Cơ quan THADS cấp trên, Ban chỉ đạo THADS đạt 99.18%, 27 kiến nghị được chấp nhận một phần; 09 kiến nghị không được cơ quan THADS và cơ quan hữu quan chấp nhận hoặc không trả lời; 04 kiến nghị được VKS cấp trên đồng tình nhất trí; VKS rút 02 kiến nghị, chiếm tỉ lệ 0,04%).*

1.2. **Về kháng nghị**:

Ban hành 03 bản kháng nghị, trong đó ( tỉnh 01, huyện 02). Số bản kháng nghị được chấp nhận 03 đạt tỷ lệ 100%.

*( Theo số liệu 3 năm 2014, 2015 và 2016 của VKSND các cấp do Vụ 11 VKSNDTC báo tại Hội nghị tập huấn: Ban hành 669 bản kháng nghị ( tỉnh: 155, huyện: 514; 31 đối với TAND , 636 bản đối với cơ quan THADS,02 bản đối với cơ quan tổ chức liên quan. Số bản kháng nghị được chấp nhận 643( trong đó: 20 kháng nghị được chấp nhận sau khi VKS cấp trên bảo vệ hoặc có sự chỉ đạo của cơ quan THADS cấp trên, Ban chỉ đạo THADS, đạt tỉ lệ 96,11%).*

***2- Các dạng vi phạm điển hình của cơ quan THADS, Tòa án nhân dân, các cơ quan có liên quan được nêu trong các kiến nghị, kháng nghị như:***

***a/ Vi phạm của Toà án***:

Không chuyển và chậm chuyển giao bản án, quyết định đến Cơ quan THADS; chuyển giao bản án, quyết định chưa có hiệu lực đến Cơ quan THADS; không gửi thông báo đính chính đến Cơ quan THADS; chậm giải thích, đính chính, bổ sung bản án, quyết định theo kiến nghị của Cơ quan THADS; sai sót trong các quyết định miễn, giảm khoản nghĩa vụ thi hành án nộp ngân sách Nhà nước; chậm mở phiên họp xét kháng nghị của VKSND đối với quyết định xét miễn, giảm khoản nộp ngân sách Nhà nước của Tòa án.

Ví dụ: Kiến nghị số 82/KSTHADS ngày 16/12/2016 của VKSND tỉnh( P11): Qua việc thực hiện chức năng kiểm sát việc gửi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu ngân sách nhà nước ,Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát hiện một số vi phạm như sau:

+ Việc gửi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa, thấy có 11 bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng Tòa án chậm gửi cho Cục thi hành án dân sự từ 05 năm đến hơn 06 năm, vi phạm khoản 1 Điều 28 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

+ViệcTòa án không gửi các quyết định về việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án cho Viện kiểm sát: Trong năm 2016, các Viện kiểm sát cấp huyện đã tham gia họp xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với 216 trường hợp (Nha Trang 178, Diên Khánh 37, Khánh Sơn 01). Tuy nhiên, sau khi ra quyết định về việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án, các Tòa án cấp huyện không gửi quyết định về việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đến Viện kiểm sát tỉnh để kiểm sát theo quy định, vi phạm khoản 4 Điều 63 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**+**Tòa án không chuyển giao bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật cho Cơ quan thi hành án dân sự để thi hành:

Qua công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án “Bùi Quang Tuyên” bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Khánh Vĩnh khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh báo cáo như sau:

Ngày 03/3/2014, Bùi Quang Tuyên bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tuyên có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.Tại bản án hình sự phúc thẩm số 81/2014/HSPT ngày 27/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tuyên: Không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bùi Quang Tuyên phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Đến thời điểm hiện tại, Bùi Quang Tuyên đã thi hành xong hình phạt tù của bản án nêu trên.Tuy nhiên, theo kết quả xác minh về việc thực hiện nghĩa vụ nộp án phí hình sự phúc thẩm của Bùi Quang Tuyên do Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Khánh Vĩnh lập tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang thì Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang chưa nhận được bản án hình sự phúc thẩm số 81/2014/HSPT ngày 27/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Do đó, không có căn cứ để ra quyết định thi hành án về phần án phí đối với Bùi Quang Tuyên.

Như vậy, việc Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa không chuyển giao bản án hình sự phúc thẩm số 81/2014/HSPT ngày 27/5/2014 cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang là vi phạm khoản 1 Điều 28 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 nêu trên, dẫn đến kéo dài việc thi hành án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người phải thi hành án.

***b/ Vi phạm của Cơ quan THADS trong công tác THADS, HC***:

Tập trung ở một số dạng cơ bản như sau: Quyết định về thi hành án ban hành không đúng thẩm quyền; nội dung của quyết định thi hành án chưa đầy đủ, chưa chính xác so với bản án, quyết định của Tòa án; việc có điều kiện thi hành án nhưng cơ quan THADS xếp vào diện chưa có điều kiện thi hành; việc có điều kiện thi hành án, đương sự không tự nguyện thi hành nhưng Cơ quan THADS chưa ra quyết định cưỡng chế; xử lý tài sản; áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án không có căn cứ, trái pháp luật; trong đó có nhiều vi phạm liên quan đến quy định của Luật đất đai, Luật nhà ở. Khi kê biên quyền sử dụng đất, Chấp hành viên không thông báo đầy đủ cho những người có liên quan đến tài sản kê biên, không tổ chức xác minh thực tế diện tích và thực trạng đất nên kê biên và ký hợp đồng thẩm định chênh diện tích đất so với bản án tuyên, xâm phạm đến quyền lợi của người phải thi hành án; bản án có hiệu lực thi hành và đương sự có đơn yêu cầu thi hành án nhưng Chấp hành viên không tiến hành xác minh tài sản, kéo dài hoạt động tác nghiệp thi hành án, để hồ sơ nhiều năm không tổ chức thi hành án, khi tài sản thi hành án đang được Tòa án thụ lý để giải quyết tranh chấp thì lại ra quyết định tiếp tục thi hành án; v.v...

Ví dụ: Kháng nghị số 67 ngày 19/01/2015 của VKSND tỉnh Khánh hòa , kiến nghị đối với CTHADS tỉnh Khánh Hòa, cụ thể:

Ngày 15/01/2015, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận Quyết định cưỡng chế trả nhà, giao nhà số 16/QĐ-CTHA và Thông báo cưỡng chế thi hành án số 79/TB-CTHA ngày 14/01/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa về việc cưỡng chế thi hành án đối với bà Ngô Thị Hân phải giao trả lại cho bà Nguyễn Hữu Thanh Lịch và các thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Hữu Hanh toàn bộ nhà, đất 24 Tản Đà, Phước Long, Nha Trang, Khánh Hòa; được tổ chức cưỡng chế vào 08 giờ ngày 23/01/2015. Qua kiểm sát hồ sơ thi hành án xét thấy: theo hồ sơ thi hành án thì ngày 23/12/2014 ông Lê Văn Tuấn được sự ủy quyền của bà Nguyễn Hữu Thanh Lịch có đơn yêu cầu thi hành án, trong khi những người được thi hành án còn lại (các thừa kế hợp pháp còn lại của ông Nguyễn Hữu Hanh) là ông Nguyễn Hữu Hào và ông Nguyễn Hữu Anh Dũng chưa có đơn yêu cầu thi hành án, nhưng Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định thi hành số 48 ngày 23/12/2014 về việc buộc bà Ngô Thị Hân phải giao trả **cho bà Nguyễn Hữu Thanh Lịch và các thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Hữu Hanh** toàn bộ nhà, đất 24 Tản Đà, Phước Long, Nha Trang, Khánh Hòa, là vi phạm quy định khoản 2 Điều 36 Luật thi hành án dân sự và khoản 3 Điều 5 Nghị định 58/2009/NĐ-CP. Do đó đến thời điểm hiện tại, Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa chưa đủ cơ sở để cưỡng chế giao tài sản theo Quyết định cưỡng chế trả nhà, giao nhà số 16/QĐ-CTHA ngày 14/01/2015.

Ví dụ: Kiến nghị số 503 ngày 12/10/2016 của VKSND huyện Diên Khánh, kiến nghị đối với CCTHADS huyện Diên Khánh, cụ thể:

+ Vi phạm trong việc tổ chức xác minh điều kiện thi hành án: có 35 hồ sơ vi phạm ; điển hình như : QĐTHA chủ động số 701ngày 13/8/2014 thì bà Trần Thị Thu Hồng phải nộp 200.000đ án phí HSST và 5.000.000đ tiền phạt sung quỹ nhà nước. Theo biên bản xác minh ngày 19/8/2014 bà Hồng không có điều kiện thi hành án. CCTHADS huyện Diên Khánh đã ban hành quyết định hoãn thi hành án số 75 ngày 04/9/2014( sau đó là quyết định chưa có điều kiện thi hành án số 81 ngày 20/8/2015, đến thời điểm kiến nghị quá 02 năm nhưng CCTHADS huyện Diên Khánh chưa xác minh lại điều kiện thi hành án là vi phạm khoản 2 Điều 44 luật THADS…

+ Vi phạm phân loại việc thi hành án : Theo QĐTHA số 14 ngày 26/4/1994 Nguyễn Văn Nghị nộp sung công quỹ là 8,5 chỉ vàng y và 43.610đ. Biên bản xác minh thì ông Nghị có tài sản chung là 01 căn nhà nền đất, mái tôn, diện tích 30 m2, nằm trên diện tích đất 60m2, nhưng CCTHADS huyện Diên Khánh căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị Bích Hường khai ông Nghị hay bỏ nhà đi và không có nghề nghiệp để ra Quyết định chưa có điều kiện là không đúng quy định…

Ví dụ : Kiến nghị số : 411 ngày21/11/2016 của VKSND huyện Cam Lâm kiến nghị đối với CCTHADS huyện Cam Lâm, cụ thể:

+ Vi phạm về thời hạn ban hành quyết định thi hành án : Qua kiểm sát 436 Bản án, Quyết định của Tòa sơ thẩm và phúc thẩm gửi cho CCTHADS huyện Cam Lâm, VKS huyện Cam Lâm đã phát hiện 20 Quyết định thi hành án vi phạm về thời hạn ban hành hành Quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 36 Luật thi hành dân sự; Điển hình như: Bản án số 19/2012/HSST ngày 27/7/2012; CCTHADS Cam Lâm nhận Bản án 28/1/2016; Quyết định THA ban hành ngày 14/4/2016 ( vi phạm 70 ngày), Bản án số: 25/2015/HSST ngày 05/9/2014; CCTHADS huyện Cam Lâm nhận Bản án ngày 28/01/2016; QĐTHA ban hành ngày 20/4/2016( vi phạm 76 ngày)…

Ví dụ : Kiến nghị số : 121 ngày15/4/2016 của VKSND huyện Khánh Vĩnh kiến nghị đối với CCTHADS huyện Khánh Vĩnh, cụ thể:

+ Không tiến hành cưỡng chế đối với những trường hợp có điều kiện thi hành mà không tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều 45,46 Luật THADS:

- CCTHADS huyện Khánh Vĩnh đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án 12 vụ việc có điều kiện thi hành án nhưng không ra quyết định cưỡng chế ( quá hạn từ 02 năm đến 06 năm)…

+ Không thực hiện việc cưỡng chế theo Quyết định và Kế hoạch cưỡng chế đã ban hành vi phạm Điều 71 khoản 3, Điều 72 Luật thi hành án dân sự:

- CCTHADS huyện Khánh Vĩnh ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 02 ngày 16/7/2014 nhưng gần 02 năm không ban hành Kế hoạch cưỡng chế, Quyết định cưỡng chế , kê biên xử lý tài sản số 03 và Kế hoạch cưỡng chế số 04 ngày 21/7/2015, nhưng gần 01 năm không thực hiện việc cưỡng chế…

c/ **Vi phạm của các cơ quan có liên quan**:

Cơ quan công an chậm chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ cho cơ quan thi hành án, Các Trung tâm bán đấu giá tài sản không niêm yết việc bán đấu giá tài sản nơi có tài sản;Giá khởi điểm lấy giá thẩm định tài sản theo Chứng thư đã hết hạn;Chậm thực hiện thủ tục giao tài sản mua trúng đấu giá;Thời hạn đăng ký mua tài sản được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng không đảm bảo theo quy định….

Ví dụ : Kiến nghị số : 1261 ngày11/11/2014 của VKSND tỉnh Khánh Hòa kiến nghị đối với Giám đốc công an tỉnh Khánh Hòa, cụ thể:

+ Qua trực tiếp kiểm sát việc xử lý tài sản tạm giữ và vật chứng sung công quỹ của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa thấy có 02 hồ sơ thi hành án Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa đã có văn bản đề nghị cơ quan Công an chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ nhưng đơn vị chậm phối hợp để xử lý theo quy định pháp luật, Cụ thể:

1/ Quyết định thi hành án số 17 ngày 27/03/2006 thi hành Bản án hình sự sơ thẩm số 11/HSST ngày 16/02/2006 của TAND tỉnh Khánh Hòa, về việc tạm giữ xe mô tô hiệu XIONGSHI, không biển số, để giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 07/6/2012 và 09/01/2013, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa có văn bản số 593 và 37 đề nghị Công an thị xã Ninh Hòa chuyển giao tang vật trên để giải quyết theo quy định. Đến nay đã hơn 29 tháng, Công an thị xã Ninh Hòa chưa có văn bản trả lời về việc chuyển giao chiếc xe trên.

2/ Quyết định thi hành án số 26 ngày 04/4/2006 thi hành Bản án hình sự sơ thẩm số 14/HSST ngày 23/02/2006 của TAND tỉnh Khánh Hòa, về việc tịch thu sung công quỹ xe mô tô Dream Trung Quốc hiệu HONGDA màu nho biển kiểm soát 79K1 – 2659, 08 máy chụp ảnh, 02 điện thoại di động, 01 đồng hồ đeo tay và 01 chiếc ví da.

Ngày 10/3/2014, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa có văn bản số 217 đề nghị Công an tỉnh Khánh Hòa chuyển giao toàn bộ vật chứng, tài sản tạm giữ trên để xử lý theo quy định. Nhưng hơn 07 tháng, Công an tỉnh Khánh Hòa chưa có văn bản trả lời về việc chuyển giao số tài sản trên.

 Việc cơ quan Công an chậm phối hợp chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ, dẫn đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa không đảm bảo việc xử lý tài sản đúng thời hạn theo quy định tại điều luật đã viện dẫn trên, làm tăng số tồn việc thi hành án, giảm giá trị tài sản tịch thu, chậm thu nộp ngân sách nhà nước đối với tài sản được sung công quỹ. Nguyên nhân: Do thủ trưởng cơ quan Công an 02 cấp còn xem nhẹ hoặc thiếu kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ của cán bộ, đơn vị trực thuộc.

Ví dụ : Kiến nghị số : 1098 ngày 06/8/2015 của VKSND tỉnh Khánh Hòa kiến nghị đối với Công ty CPDV đấu giá Trung Nam, cụ thể:

Qua việc xác minh việc tổ chức bán đấu giá đối với các tài sản thi hành án của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa ký hợp đồng với Chi nhánh Công ty CPDV đấu giá Trung Nam từ thời điểm 01/10/2014 đến 30/6/2015, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận thấy có một số vi phạm sau:

1/ **Giá khởi điểm lấy giá thẩm định tài sản theo Chứng thư đã hết hạn**: Hợp đồng bán đấu giá số 82 ngày 31/10/2014, Chi nhánh Công ty CPDV đấu giá Trung Nam xác định giá khởi điểm đối với căn hộ B4.6 (T5) Chung cư Hai Bà Trưng, Vạn Thạnh, Nha Trang là 676.972.000đ theo Chứng thư thẩm định giá ngày 28/9/2012, là không phù hợp khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định số 17/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính Phủ về bán đấu giá,quy định: “*Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá được xác định trước khi ký kết hợp đồng bán đấu giá tài sản...*” và “*Đối với tài sản bán đấu giá để thi hành án, thì giá khởi điểm được xác định theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*”. Vì theo Chứng thư quy định giá trị thẩm định tài sản trên chỉ giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ra chứng thư, nhưng đến thời điểm ký hợp đồng bán đấu giá đã hơn 02 năm, nhưng Chi nhánh Công ty CPDV đấu giá Trung Nam vẫn xác định giá khởi điểm theo giá đã được thẩm định để tổ chức bán đấu giá là không còn phù hợp, mặc dù vụ việc thông báo bán đấu giá không có người tham gia đăng ký mua.

2/ **Không niêm yết việc bán đấu giá tài sản** **nơi có tài sản**: Hợp đồng bán đấu giá số 79 ngày 01/12/2011 và Phụ lục lần 1 của Hợp đồng này, Chi nhánh Công ty CPDV đấu giá Trung Nam đều không thực hiện việc niêm yết việc bán đấu giá tại nhà đất 71/61 đường 2/4, Vạn Thắng, Nha Trang là chưa tuân thủ khoản 1 điều 28 Nghị định số 17/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính Phủ về bán đấu giá,quy định: *“...Đối với bất động sản, tổ chức bán đấu giá tài sản phải niêm yết việc bán đấu giá tài sản tại nơi bán đấu giá, nơi có bất động sản bán đấu giá và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có bất động sản bán đấu giá…”* ;…

***3. Ưu điểm và hạn chế, tồn tại trong việc ban hành kiến nghị, kháng nghị***

***3.1. Ưu điểm***

- Về cơ bản kiến nghị, kháng nghị của VKSND hai cấp bảo đảm về hình thức văn bản. Nhiều bản kháng nghị, kiến nghị đã chỉ rõ những vi phạm pháp luật, nguyên nhân và trách nhiệm của Cơ quan thi hành án, Chấp hành viên, cơ quan, tổ chức có liên quan…vi phạm điều luật nào và viện dẫn điều luật cụ thể để làm rõ vi phạm trong việc thi hành án; nêu rõ yêu cầu như: Yêu cầu đình chỉ việc thi hành án, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật trong việc thi hành án, chấm dứt vi phạm pháp luật trong việc thi hành án, thu hồi, sửa đổi, huỷ bỏ hoặc bổ sung quyết định về thi hành án, yêu cầu khắc phục vi phạm. Kháng nghị, kiến nghị được gửi đến đầy đủ cho các đối tượng theo đúng quy định ( cho đối tượng bị kháng nghị, kiến nghị, cơ quan chủ quản cấp trên của đơn vị bị kháng nghị, kiến nghị và gửi cho Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp). Sau kháng nghị, kiến nghị, các đơn vị đã chú trọng theo dõi đến công tác thực hiện, khắc phục vi phạm của đơn vị nhận kiến nghị, kháng nghị (phúc tra việc thực hiện).

Do vậy các bản kháng nghị, kiến nghị cơ bản đều được chấp nhận. Một số bản kháng nghị, kiến nghị ban đầu không được cơ quan bị kháng nghị, kiến nghị chấp nhận (hoặc không chấp nhận một phần) nhưng do đã kịp thời báo cáo, thỉnh thị và các bản kháng nghị, kiến nghị đều xác định đúng nội dung vi phạm, có căn cứ nên đã được các cơ quan cấp trên hoặc Ban chỉ đạo chấp nhận, có văn bản chỉ đạo đơn vị bị kiến nghị chấp nhận.

***3.2. Hạn chế, thiếu sót***

Qua theo dõi kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính năm 2016, ở cấp huyện, VKS tỉnh nhận thấy : số lượng việc và tiền thi hành án lớn, có nhiều đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thi hành án dân sự nhưng cũng không ban hành được một bản kháng nghị nào. Thực trạng này không phản ánh đúng và đầy đủ về tình hình vi phạm trong hoạt động thi hành án dân sự mà chỉ phản ánh đúng về tình hình thực hiện công tác kiểm sát thi hành án dân sự ở các huyện chưa được quan tâm đúng mức; việc bố trí Kiểm sát viên, công chức làm kiểm sát thi hành án dân sự chưa đủ lực lượng, thiếu ổn định, hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo kiểu “tròn vai”, các chỉ tiêu kháng nghị và kiến nghị tuy đạt yêu cầu nhưng chất lượng không cao ; Kiểm sát viên và lãnh đạo đơn vị nghiệp vụ kiểm sát thi hành án dân sự thiếu kiên quyết trong phát hiện vi phạm để kháng nghị, giữ thái độ “dĩ hòa vi quý” trong công tác.

- Về hình thức nhiều đơn vị chưa sử dụng đúng mẫu của VKSND tối cao quy định, có nơi trong phần nơi nhận chưa gửi cơ quan cấp trên của đơn vị bị kiến nghị theo Quy chế Công tác kiểm sát THADS,

- Về nội dung kiến nghị chưa nêu chính xác các vi phạm, nguyên nhân điều kiện vi phạm, viện dẫn căn cứ pháp luật chưa chính xác hoặc chỉ nêu chung chung

***3.3. Nguyên nhân hạn chế, tồn tại***

Những tồn tại, hạn chế nêu trên do một số nguyên nhân sau:

- Quá trình thực hiện Luật Thi hành án dân sự và một số văn bản hướng dẫn thi hành đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế, có sự chưa thống nhất với các Luật khác.

- Số lượng việc thi hành án dân sự phát sinh ngày càng nhiều, đòi hỏi công tác kiểm sát thi hành án phải được tăng cường, song thực tế số lượng cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác kiểm sát thi hành án dân sự còn thiếu, đa số VKSND cấp huyện cán bộ, Kiểm sát viên kiêm nhiệm làm công tác kiểm sát thi hành án dân sự với công tác kiểm sát khác; một số Lãnh đạo VKSND cấp huyện chưa thường xuyên đôn đốc, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về công tác này, do vậy có thực trạng là đa số bản kiến nghị, kháng nghị không đúng, không được chấp nhận hoặc được chấp nhận một phần tập trung ở VKSND cấp huyện.

- Có tư tưởng nể nang, “dĩ hòa vi quý” nên ban hành kiến nghị không đúng tính chất, mức độ của vi phạm; hạn chế ban hành kháng nghị.

**4. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị của Viện kiểm sát**

- Khái niệm thế nào là “vi phạm pháp luật nghiêm trọng”; “vi phạm pháp luật ít nghiệm trọng” theo Luật tổ chức Viện KSND hiện chưa được làm rõ nên có những nhận thức khác nhau trong việc áp dụng pháp luật, nhất là trong việc thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị.

- Đối với thời hạn trả lời kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân đến nay Luật chưa quy định cụ thể vì vậy việc này hiện nay gặp một số vấn đề khó khăn, vì các cơ quan, đơn vị này thường không có văn bản trả lời cho Viện kiểm sát, mặc dù có trường hợp Viện kiểm sát tiếp tục có văn bản yêu cầu các cơ quan, đơn vị này có văn bản trả lời việc thực hiện kiến nghị nhưng vẫn không có kết quả, dẫn đến việc thi hành án kéo dài, không khắc phục được vi phạm, đồng thời cũng làm giảm đi tính hiệu lực của các văn bản kiến nghị của Viện kiểm sát, trong khi các quy định pháp luật hiện hành không quy định thời hạn trả lời.

**II. Một số giải pháp nâng cao chất lượng kiến nghị, kháng nghị**

1. Lãnh đạo VKS hai cấp cần quan tâm bố trí hợp lý về số lượng, chất lượng cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính , nhất là VKSND cấp huyện để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiệp vụ.

 2.Thực hiện nghiêm túc Luật thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành; các quy định tại Quy chế công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 810/QĐ- VKSTC ngày 20/12/2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra hướng dẫn nghiệp vụ, thông báo rút kinh nghiệm và bồi dưỡng kỹ năng công tác kiểm sát THADS nói chung cho Kiểm tra viên, Kiểm sát viên cũng như kinh nghiệm và kỹ năng ban hành kiến nghị, kháng nghị; Cán bộ, kiểm sát viên làm công tác kiểm sát thi hành án dân sự phải nghiên cứu kỹ và nắm chắc quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn luật để vận dụng đồng thời nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao để kịp thời phát hiện vi phạm để ban hành kiến, kháng nghị trong hoạt động thi hành án; thông qua trực tiếp kiểm sát định kỳ để phúc tra việc thực hiện kháng nghị, kiến nghị; nâng cao chất lượng công tác ban hành thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ.

3- Thực hiện nghiêm túc quy định của Luật Tổ chức VKSND 2014, Luật THADS sửa đổi, bổ sung năm 2014 và Quy chế 810 về công tác kiến nghị, kháng nghị, trong đó chú ý một số nội dung cơ bản sau đây:

*Thứ nhất,* theo các điều 28, 30 Luật Tổ chức VKSND 2014, Điều 159, 160 Luật THADS (2014) thì chỉ quy định VKSND có quyền kiến nghị, kháng nghị trong kiểm sát THADS mà không nêu rõ khi nào thì kiến nghị và khi nào thì kháng nghị. Tuy nhiên tại các điều như: Điều 5 Luật Tổ chức VKSND 2014, Điều 12 Luật THADS (2014) thì quy định rõ VKSND kiến nghị xem xét hành vi, quyết định liên quan đến thi hành án “có vi phạm pháp luật ít nghiêm trọng” để yêu cầu khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý người vi phạm; kiến nghị với cơ quan, tổ chức liên quan có sơ hở, thiếu sót trong hoạt động quản lý khắc phục nguyên nhân, điều kiện dẫn tới vi phạm pháp luật và áp dụng biện pháp phòng ngừa”.

Viện KSND có quyền kháng nghị (Điều 5 Luật Tổ chức VKSND quy định là “phải kháng nghị” với hành vi, quyết định “có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm quyền con người, quyền công dân, lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” để yêu cầu đình chỉ việc thi hành, thu hồi, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc thi hành án, chấm dứt hành vi vi phạm. Ngoài ra, theo Điều 3 Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT- BTP- BQP ngày 07/12/2015 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự có quy định những văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật (là một trong các căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường của nhà nước) là trường hợp “ Văn bản của Thủ trưởng Cơ quan THADS có thẩm quyền trả lời chấp nhận kháng nghị của VKSND có thẩm quyền đã ra quyết định kháng nghị theo quy định của Luật THADS”. Tại khoản 5 Điều 12 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước 2017 tiếp tục quy định như trên. Như vậy nếu kháng nghị của VKSND được chấp nhận sẽ là một trong các căn cứ để xem xét trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 5 Điều 44 Luật THADS 2014, văn bản kháng nghị của VKSND đối với vi phạm của CHV trong việc xác minh điều kiện thi hành án là một trong các trường hợp bắt buộc CHV phải tiến hành xác minh lại. Việc xác minh lại được tiến hành trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kháng nghị của VKSND.

Qua các quy định trên, quyền kháng nghị của VKSND trong kiểm sát THADS là rất quan trọng. Đối với những trường hợp hành vi, quyết định có vi phạm pháp luật nghiêm trọng thì phải kháng nghị. Kháng nghị phải bảo đảm đúng thời hạn theo quy định tại Điều 160 Luật THADS 2014. Đối tượng kháng nghị là *hành vi hoặc quyết định.* Tính chất của vi phạm pháp luật phải “*nghiêm trọng”,* có thể hiểu như sau: Hành vi hoặc quyết định đó là cụ thể, trái với quy định của pháp luật (có quy định cụ thể của pháp luật- nhiều dạng vi phạm bản chất đã là thuộc trường hợp nghiêm trọng), đã gây ra hậu quả hoặc sẽ gây ra hậu quả, xâm phạm quyền con người, quyền công dân, lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân xét thấy cần phải ngăn chặn hoặc phải khắc phục (nhiều trường hợp cần ngăn chặn hoặc khắc phục ngay vì kháng nghị thì pháp luật có quy định thời hạn trả lời, thời hạn thực hiện kháng nghị).

Đối tượng kiến nghị cũng là hành vi hoặc quyết định vi phạm pháp luật (phải vi phạm quy định, điều luật cụ thể); hành vi có thể là đơn lẻ hoặc lặp đi lặp lại (tình trạng). Tính chất của vi phạm ở mức độ ít nghiêm trọng (có thể hiểu là chưa đạt mức vi phạm nghiêm trọng như nêu trên). Ngoài ra, kiến nghị có thể áp dụng với các trường hợp hành vi hoặc quyết định tuy có tính chất vi phạm pháp luật nghiêm trọng nhưng không còn thời hạn kháng nghị. Bên cạnh đó, trường hợp phát hiện cơ quan, tổ chức có liên quan có sơ hở, thiếu sót trong hoạt động quản lý thì kiến nghị yêu cầu cơ quan, tổ chức khắc phục nguyên nhân, điều kiện dẫn tới vi phạm pháp luật và áp dụng biện pháp phòng ngừa. Trường hợp này không kháng nghị.

*Thứ hai,* theo các quy định pháp luật về kháng nghị, kiến nghị của VKSND trong thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và trong công tác kiểm sát THADS, HC nói riêng thì pháp luật có quy định thời hạn kháng nghị (Điều 160 Luật THADS 2014) mà không quy định thời hạn kiến nghị; có quy định thời hạn để cơ quan, tổ chức, cá nhân bị kháng nghị có trách nhiệm thực hiện và trả lời cho VKS về kết quả thực hiện kháng nghị có trách nhiệm (Điều 161 Luật THADS 2014) mà không có quy định thời hạn trả lời và thực hiện kiến nghị. Do vậy các biểu mẫu về văn bản kháng nghị, kiến nghị mới được Viện trưởng VKSNDTC ban hành đã xây dựng theo hướng này. Trong biểu mẫu văn bản kháng nghị có quy định thời hạn nhưng văn bản kiến nghị không quy định yêu cầu cơ quan bị kiến nghị phải trả lời trong thời hạn cụ thể (Mẫu số 28 và 29). Trong thực tế, tuy pháp luật có quy định như trên nhưng các địa phương có thể xây dựng Quy chế phối hợp công tác liên ngành, trong đó có thể quy định thời hạn để cơ quan bị kiến nghị có trách nhiệm thực hiện và trả lời kiến nghị của VKS. Viện kiểm sát đã kiến nghị có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện kiến nghị. Trường hợp cần thiết thì tiến hành phúc tra việc thực hiện kiến nghị; hoặc sử dụng quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức bị kiến nghị kiểm tra việc thực hiện kiến nghị và báo cáo kết quả cho VKS; hoặc thông qua trực tiếp kiểm sát để phúc tra việc thực hiện các kiến nghị.

*Thứ ba*, các quy định của pháp luật về kháng nghị nêu trên có quy định về thủ tục giải quyết các trường hợp đối tượng bị kháng nghị không đồng ý với kháng nghị của VKS, trong đó quy định trách nhiệm của Cơ quan THADS bị kháng nghị có trách nhiệm báo cáo lên Cơ quan THADS và VKSND cấp trên trực tiếp); quy định trách nhiệm xem xét và thời hạn trả lời của cơ quan cấp trên (Điều 161 khoản 2 Luật THADS 2014- Điều 34 Quy chế 810).

Trường hợp đối tượng bị kháng nghị không nhất trí với kháng nghị thì VKS ban hành kháng nghị phải báo cáo VKS cấp trên trực tiếp (ngay cả trong trường hợp VKS cấp trên kháng nghị với hành vi, quyết định của Cơ quan THADS cấp dưới), kèm theo tài liệu cần thiết; báo cáo phải nêu rõ quan điểm của mình về kháng nghị và về quan điểm của đối tượng bị kháng nghị.

Sau khi nhận được báo cáo và tài liệu kèm theo của VKS cấp dưới và báo cáo của Cơ quan THADS cấp dưới bị kháng nghị, Viện kiểm sát cấp trên có trách nhiệm xem xét. Trường hợp đồng ý với kháng nghị của VKS cấp dưới thì ban hành văn bản nêu rõ quan điểm của mình. Trường hợp không đồng ý với một phần hoặc toàn bộ kháng nghị của VKS cấp dưới thì VKS cấp trên có văn bản yêu cầu VKS đã kháng nghị rút, sửa đổi, bổ sung kháng nghị hoặc trực tiếp ra quyết định rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị. (Điều 34 Quy chế 810)

*Thứ tư*, thực hiện nghiêm túc một số yêu cầu khi hiện quyền kháng nghị

- Kháng nghị phải bảo đảm đúng thời hạn theo quy định tại Điều 160 Luật THADS 2014; phải bằng văn bản theo mẫu quy định, do Lãnh đạo Viện ký. Nội dung kháng nghị phải nêu rõ tên cơ quan bị kháng nghị; chức vụ, chức danh của cá nhân bị kháng nghị; quyết định hoặc hành vi vi phạm pháp luật bị kháng nghị; các yêu cầu cần thực hiện, thời hạn trả lời kháng nghị. Khi nêu các vi phạm, cần viện dẫn đầy đủ các quy định của pháp luật làm căn cứ xác định vi phạm; bản kháng nghị được gửi cho đối tượng bị kháng nghị, cho cơ quan chủ quản của họ và cho VKS cấp trên để báo cáo.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kháng nghị nên với mỗi kháng nghị, VKS cần lập hồ sơ kiểm sát, trong đó lưu giữ đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc kháng nghị, nhất là đối với các tài liệu phản ánh về hành vi hoặc quyết định có vi phạm pháp luật.

- Việc kháng nghị đối với quyết định của Tòa án trong việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án thực hiện theo quy định Điều 64 Luật THADS 2014, Điều 37 của Quy chế và theo Hệ thống biểu mẫu VKSND tối cao ban hành.

4. Cần có biện pháp để kịp thời phát hiện vi phạm, phát hiện đầy đủ và đề xuất kháng nghị hoặc kiến nghị kịp thời:

 *- Trước hết* là cần có biện pháp để kiểm sát việc TA chuyển giao bản án, quyết định cho Cơ quan THADS đầy đủ, kịp thời. Theo quy định, các bản án, quyết định cần thi hành án dân sự gồm nhiều loại, do nhiều cơ quan xét xử khác nhau, tương ứng với nhiều đơn vị nghiệp vụ kiểm sát. Do vậy cần có quan hệ phối hợp giữa Văn phòng với các đơn vị nghiệp vụ trong nội bộ VKS để nắm được các bản án đã xét xử, bản án quyết định có hiệu lực pháp luật và việc TA chuyển giao cho VKSND; qua kiểm sát “sổ nhận bản án, quyết định” tại Cơ quan THADS hoặc qua kiểm sát các việc THADS cụ thể để nắm và phát hiện vi phạm trong việc TA chuyển giao bản án, quyết định cho Cơ quan THADS.

*Thứ hai,* cần kiểm sát các quyết định về thi hành án ngay từ khi ban hành hoặc từ khi Cơ quan thi hành án chuyển giao cho Viện kiểm sát, yêu cầu cung cấp các văn bản, tài liệu liên quan để đối chiếu, phát hiện vi phạm và lập phiếu kiểm sát với các quyết định về thi hành án có vi phạm. Do pháp luật thi hành án dân sự quy định thời hạn kháng nghị nên phải khẩn trương đề xuất, báo cáo Lãnh đạo viện phương án xử lý; trong đó có đề xuất kháng nghị với những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

*Thứ ba*, bên cạnh việc kiểm sát các văn bản, quyết định, hồ sơ thi hành án, cần quan tâm cử Kiểm sát viên trực tiếp xác minh các việc thi hành án, nhất là đối với việc xác minh, phân loại việc chưa có điều kiện thi hành án, việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế, thông qua đó để phát hiện các vi phạm, từ đó tham mưu cho người có thẩm quyền kiến nghị hoặc kháng nghị. Việc tham mưu phải chính xác, tùy tính chất mức độ vi phạm mà tham mưu kháng nghị hay kiến nghị.

5. VKSND cấp huyện cần phối hợp chặt chẽ với Phòng kiểm sát thi hành án dân sự - VKSND tỉnh để thống nhất về đường lối giải quyết, từ đó có cơ sở để bảo vệ kháng nghị của cấp huyện.

6. Lãnh đạo VKSND các cấp phải có thái độ kiên quyết với vi phạm. Trên cơ sở đánh giá tính chất mức độ vi phạm, các quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn ở địa phương để quyết định việc kháng nghị, kiến nghị. Việc xác định vi phạm để kháng nghị hoặc kiến nghị phải rõ ràng, có đủ cơ sở pháp lý; không nên kháng nghị hoặc kiến nghị với vi phạm mà quan điểm nhận thức pháp luật chưa rõ./.